

**DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y - DƯỢC, ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN**

(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-ĐHYD ngày 06 tháng 8 năm 2018)

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
1	7000080	GIÀNG A CHÔ	15/04/1999	Xã Nùng Nàng	Huyện Tam Đường	Lai Châu	Y khoa	28.65
2	12009282	PHẠM THỊ HỒNG NHUNG	21/03/2000	Xã Nam Hòa	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	27.95
3	12004285	ÂU THU HOÀI	25/07/2000	Xã Quang Sơn	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	26.4
4	12005984	HOÀNG DUY KHÁNH	26/06/2000	Thị trấn Chợ Chu	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Y khoa	25.65
5	14000886	NGUYỄN THỊ LINH CHI	11/12/1999	Xã Phiêng Cầm	Huyện Mai Sơn	Sơn La	Y khoa	25.45
6	12000251	LIÊU TRUNG ANH	08/04/2000	Xã Văn Yên	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	25.15
7	12008771	LÝ BÍCH NGỌC	06/02/2000	Xã Nam La	Huyện Văn Lăng	Lạng Sơn	Y khoa	25.05
8	18005036	CHU VĂN SƠN	14/03/2000	Xã Lan Mẫu	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	24.95
9	12005891	NGUYỄN LỘC HUƠNG	10/10/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	24.8
10	01037255	NGUYỄN THỊ THUY	14/11/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Y khoa	24.7
11	12010893	MAI CHỈ THANH	11/09/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	24.65
12	12013776	NÔNG THỊ TUYẾT	28/07/2000	Xã Thiện Long	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	Y khoa	24.6
13	12005822	HOÀNG THỊ HUƠNG	18/11/2000	Xã Tân Hòa	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	24.5
14	12011818	NGUYỄN THỊ THUY	08/03/1999		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	24.5
15	15004766	LẠI HỒNG ANH	10/01/2000	Thị trấn Đoàn Hùng	Huyện Đoàn Hùng	Phú Thọ	Y khoa	24.5
16	12002135	NGUYỄN VĂN DƯƠNG	15/05/2000	Xã Khe Mo	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	24.45
17	18008293	NGUYỄN THỊ SEN	24/04/2000	Xã Quang Tiến	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y khoa	24.4
18	18006145	NGUYỄN VŨ THU HUƠNG	24/10/2000	Xã Tân Hưng	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	24.35
19	16006909	HÀ QUANG LINH	13/05/2000	Xã Hải Lựu	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Y khoa	24.3
20	12004444	BÀNG LÊ MANH HOÀNG	16/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	24.25
21	12004816	CHU THỊ HUỆ	18/01/2000	Xã Cô Lũng	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y khoa	24.25
22	12004876	LƯU THỊ HUỆ	05/11/2000	Xã Ký Phú	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	24.25
23	18008045	PHÙNG THỊ THU HUỆ	04/10/2000	Xã An Thượng	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	24.25
24	18013691	NGUYỄN BÀNG GIANG	27/12/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	24.25
25	09000143	MA THỊ THIẾT	06/03/2000	Xã Trung Hà	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	24.2
26	09004172	MA THỊ XUÂN KIỀU	30/08/2000	Xã Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Y khoa	24.2
27	12001841	VŨ VIỆT DŨNG	31/08/2000	Xã Minh Tiến	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	24.2
28	12004600	PHẠM NGUYỄN THÁI HOÀNG	23/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	24.2
29	12007806	NGUYỄN THỊ HOA MAI	10/07/1999	Xã Phần Mễ	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y khoa	24.2
30	09000151	MA THỊ THUY	19/07/2000	Xã Phúc Sơn	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	24.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
31	15012253	BÙI THỊ THU ĐIỀU	14/07/2000		Huyện Thanh Thủy	Phú Thọ	Y khoa	24.15
32	16006901	BÙI VĂN LÂM	21/10/2000	Xã Quang Yên	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Y khoa	24.15
33	18007869	TRẦN THỊ CHUYỀN	26/05/2000	Xã An Thượng	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	24.15
34	06000673	LÊ THỊ NGÂN HÀ	01/11/2000	Phường Ngọc Xuân	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Y khoa	24.1
35	12004509	LÊ ĐÀO VIỆT HOÀNG	31/10/2000	Xã Ký Phú	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	24.1
36	12008188	NGUYỄN THỊ TRÀ MY	25/11/2000	Xã Thanh Định	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	24.1
37	18013725	THẦN MANH HAO	29/10/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	24.1
38	15005910	NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/12/2000	Xã Lang Sơn (Trước 28/4/2017)	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Y khoa	24.05
39	15009356	ĐỖ NGỌC ANH	03/02/2000		Huyện Ba Vì	Hà Nội	Y khoa	24.05
40	18017042	NGHIÊM TUẤN CƯỜNG	23/10/2000		Thành phố Bắc Giang	Bắc Giang	Y khoa	24.05
41	09004006	NGUYỄN VĂN THẮNG	04/11/2000	Xã Minh Hương	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Y khoa	24
42	12006149	ĐẶNG DUY KIẾN	04/12/1997		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	24
43	15001330	NGUYỄN MINH PHƯƠNG	09/07/2000		Thành phố Việt Trì	Phú Thọ	Y khoa	24
44	16000655	NGUYỄN THỊ THU DUNG	10/08/2000		Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Y khoa	24
45	10004902	TRIỀU KIM CHI	10/07/2000	Thị trấn Văn Quan	Huyện Văn Quan	Lang Sơn	Y khoa	23.95
46	12000465	NGUYỄN TÚ ANH	19/11/2000	Xã Yên Lãng	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	23.95
47	18006556	NGUYỄN NHƯ TUẤN	30/01/2000	Xã Tân Hưng	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	23.95
48	12010492	HOÀNG THÁI SƠN	24/11/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	23.9
49	14003385	LÔ THỊ LAN	21/05/1999	Xã Thôn Mòn	Huyện Thuận Châu	Sơn La	Y khoa	23.9
50	15003683	TRẦN VĂN DUY	18/01/1999		Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y khoa	23.9
51	18007179	NGUYỄN PHƯƠNG ANH	30/07/2000	Xã Mỹ Hà	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	23.9
52	18008369	VŨ THANH THỦY	16/02/2000	Xã Tân Sỏi	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	23.9
53	12002169	TRƯƠNG THỊ THUY DƯƠNG	29/05/1999		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	23.85
54	12003112	NGUYỄN HỮU HAI	01/09/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	23.85
55	12008227	BÙI HẢI NAM	07/08/2000	Xã Phần Mễ	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y khoa	23.85
56	15004576	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	07/07/2000	Xã Văn Khúc	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y khoa	23.85
57	18017277	NGUYỄN NGỖ THUY LINH	20/07/2000	Xã Tuấn Mậu	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	Y khoa	23.85
58	09004487	LÝ TIỀN MẠNH	22/04/2000	Phường Phan Thiết	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Y khoa	23.8
59	12005123	LÊ QUỐC HUY	02/06/2000	Thị trấn Chùa Hang	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	23.8
60	12011582	HÀ TIỀN THỊNH	02/12/2000		Huyện Hải Hà	Quảng Ninh	Y khoa	23.8
61	12013940	THẢO A VÀNG	05/06/2000	Xã Púng Luông	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Y khoa	23.8
62	01016203	HOÀNG HÀ TRANG	31/01/2000		Huyện Thanh Ba	Phú Thọ	Y khoa	23.75
63	12005435	TẠ THỊ HUYỀN	27/07/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	23.75
64	12009791	DƯƠNG KHÁNH PHƯƠNG	30/06/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	23.75
65	13000161	HOÀNG THỊ HOÀI THU	18/03/2000	Xã Đại Lịch	Huyện Văn Chấn	Yên Bái	Y khoa	23.75
66	15007446	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	07/11/2000		Huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Y khoa	23.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
67	16002158	TRẦN THỊ CÚC	10/10/2000		Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Y khoa	23.75
68	01047074	BÀN THỊ MAI	20/04/2000	Xã Dân Hạ (Từ 28/4/2017)	Huyện Kỳ Sơn	Hoà Bình	Y khoa	23.7
69	08002797	NGUYỄN TRÀ MY	29/10/2000	Phường Pom Hân	Thành phố Lào Cai	Lào Cai	Y khoa	23.7
70	12000910	VI THỊ NGỌC BÍCH	24/04/2000	Xã Tân Thành	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	23.7
71	18014342	THÂN THỊ XUYỀN	04/11/2000	Xã Minh Đức	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	23.7
72	09001624	TRẦN THANH NHAN	22/12/2000	Xã Đội Cấn	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Y khoa	23.65
73	12000073	DUƠNG HOANG ANH	13/06/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Y khoa	23.65
74	12000139	ĐOÀN TUẤN ANH	22/07/1999	Xã La Hiên	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Y khoa	23.65
75	01018449	VŨ XUÂN TỬ	31/07/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	23.6
76	09000055	NÔNG THỊ HIỀN	03/02/2000	Xã Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Y khoa	23.6
77	09000375	TẠ HÀ HÙNG	12/10/2000	Thị trấn Vĩnh Lộc	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	23.6
78	15000336	ĐỖ THỊ MINH THẢO	21/08/2000		Thành phố Việt Trì	Phủ Thọ	Y khoa	23.6
79	18011369	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	25/05/2000	Xã Thái Sơn (Từ 10/02/2013 đến trước 20/6/2017)	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	23.6
80	09000155	HOÀNG NGỌC THỤY	03/08/2000	Xã Tân An	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	23.55
81	12004190	NGUYỄN THỊ HẠNH HOA	14/12/2000	Xã Tân Thịnh	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	23.55
82	12013923	TRẦN THU UYÊN	25/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	23.55
83	15004124	NGUYỄN THỊ LAN ANH	17/06/2000	Xã Tuy Lộc (Trước 28/4/2017)	Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Y khoa	23.55
84	18003931	NGUYỄN VĂN NINH	20/05/2000	Xã Tam Dị	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	23.55
85	18005525	HÀ THỊ VIỆT	05/05/2000	Xã Vô Tranh	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	23.55
86	12009045	TẠ THỊ NHÀN	03/02/2000	Xã Kha Sơn	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	23.5
87	15000597	PHÙNG THỊ THU HIỀN	23/02/1999	Xã Minh Tiến	Huyện Lục Yên	Yên Bái	Y khoa	23.5
88	15005027	TRẦN KHÁNH LINH	01/09/2000	Xã Văn Du	Huyện Đoan Hùng	Phủ Thọ	Y khoa	23.5
89	18008249	NGUYỄN THANH PHONG	06/03/2000	Xã Hồng Kỳ	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	23.5
90	28031869	NGUYỄN VĂN TÙNG	21/08/1999		Huyện Tĩnh Gia	Thanh Hoá	Y khoa	23.5
91	07000553	NGUYỄN THỊ QUỲNH	04/04/2000	Phường Tân Phong	Thành Phố Lai Châu	Lai Châu	Y khoa	23.45
92	10000349	HÀ BẢO NGỌC	19/10/2000	Phường Tam Thanh	Thành phố Lạng Sơn	Lạng Sơn	Y khoa	23.45
93	12003378	ĐỒNG THỊ PHƯƠNG HAO	26/06/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	23.45
94	15006488	NGUYỄN THU NGA	16/02/2000	Xã Vĩnh Chân	Huyện Hạ Hòa	Phủ Thọ	Y khoa	23.45
95	15006516	TRINH ĐỨC QUANG	21/02/2000		Huyện Hạ Hòa	Phủ Thọ	Y khoa	23.45
96	09000033	PHẠM THỊ ANH ĐIẾP	19/04/2000	Xã Trung Hòa	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	23.4
97	11001508	MA VĂN HÙNG	27/07/1996	Xã Quảng Chu	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	Y khoa	23.4
98	12004217	TRẦN THỊ PHƯƠNG HOA	04/01/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Y khoa	23.4
99	15003640	NGUYỄN VĂN BÌNH	19/08/1999	Thị trấn Yên Lập (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phủ Thọ	Y khoa	23.4
100	15006359	LÊ THUY DƯƠNG	16/01/2000	Xã Yên Luật	Huyện Hạ Hòa	Phủ Thọ	Y khoa	23.4
101	12000720	MA THỊ ANH	01/12/2000	Xã Định Biên	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	23.35

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
102	12002228	PHAN ANH ĐÀO	20/05/2000	Xã Hương Cẩn	Huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	Y khoa	23.35
103	15005579	ĐÀO QUANG VINH	01/04/2000	Xã Đại An	Huyện Thanh Ba	Phú Thọ	Y khoa	23.35
104	18003531	CHU ĐỨC DƯƠNG	27/01/2000	Xã Bảo Sơn	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	23.35
105	18006141	HOÀNG THỊ HUƠNG	27/09/2000	Xã Xương Lâm	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	23.35
106	11002872	HOÀNG THỊ NGỌC TRÂM	19/09/2000	Xã Đông Viên	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	Y khoa	23.3
107	12004658	VŨ MINH HOÀNG	01/01/2000	Thị trấn Hùng Sơn	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	23.3
108	12005733	NGUYỄN THỊ THU HUƠNG	06/11/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	23.3
109	13003707	HÀ TUẤN DUY	23/06/2000	Xã Hưng Khánh	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Y khoa	23.3
110	18008374	BUI THỊ ANH THU	22/01/2000	Xã Phồn Xương	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	23.3
111	28008039	BUI VĂN ĐẠT	01/09/1998	Xã Xuân Thái	Huyện Như Thanh	Thanh Hoá	Y khoa	23.3
112	09004158	TRINH XUÂN HUY	29/11/2000	Xã Phù Lưu	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Y khoa	23.25
113	12004753	TRẦN THỊ HỒNG	23/09/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	23.25
114	15005819	NGUYỄN CHU PHƯƠNG ANH	22/10/2000	Thị trấn Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Y khoa	23.25
115	15013111	ĐINH CÔNG DƯƠNG	29/02/2000	Xã Đông Thịnh (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Y khoa	23.25
116	18013928	THÂN THUY LINH	30/03/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	23.25
117	29010914	NGUYỄN NGỌC ANH	13/01/2000		Huyện Nghi Lộc	Ngệ An	Y khoa	23.25
118	01045296	NGHIÊM THU THAO	12/08/2000		Huyện Ba Vì	Hà Nội	Y khoa	23.2
119	12003171	NGUYỄN ĐÀO DUY HAI	10/07/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	23.2
120	12006727	ĐOÀN YÊN LINH	17/04/2000	Xã Yên Lãng	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	23.2
121	12012733	NGUYỄN THỊ TRANG	23/09/1999	Xã Tiên Hội	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	23.2
122	13000176	NGUYỄN HUYỀN TRANG	23/03/2000	Xã Phúc Lộc	Thành phố Yên Bái	Yên Bái	Y khoa	23.2
123	15003788	NGUYỄN TIỀN HUNG	23/08/1999	Xã Yên Tập	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y khoa	23.2
124	18008359	HOÀNG THỊ THUY	13/11/2000	Xã Tiên Thắng	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	23.2
125	18017074	MÃN XUÂN ĐẠI	11/03/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	23.2
126	38007200	NGUYỄN HỮU TUẤN	16/05/2000	Thị trấn Chư Sê	Huyện Chư Sê	Gia Lai	Y khoa	23.2
127	01046832	DIỆP THUY HẰNG	03/10/2000	Xã An Khánh	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	23.15
128	01078630	HỮU PHÁT HUY	08/02/1999		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	23.15
129	12003449	HOÀNG THỊ HẰNG	14/07/2000	Xã Thần Sa	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Y khoa	23.15
130	12007083	TRƯƠNG HẢI LINH	25/11/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	23.15
131	12007300	NGUYỄN ĐƯƠNG HẢI LONG	06/02/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	23.15
132	13001346	TRẦN THỊ THUY	16/08/2000	Xã Vũ Linh	Huyện Yên Bình	Yên Bái	Y khoa	23.15
133	18013939	PHẠM THỊ LOAN	17/11/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	23.15
134	22010653	LÊ TIỀN CÔNG	22/03/2000		Huyện Khoái Châu	Hưng Yên	Y khoa	23.15
135	12004715	LƯƠNG THỊ THU HỒNG	22/09/2000	Xã Phúc Chu	Huyện Đình Hó	Thái Nguyên	Y khoa	23.1
136	18013589	ĐỖ XUÂN BÌNH	20/03/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	23.1
137	01078588	HỮU HUY HOÀNG	26/05/1997		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	23.05

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
138	14003514	LÒ THỊ SON	13/03/1999	Xã Phong Lăng	Huyện Thuận Châu	Sơn La	Y khoa	23.05
139	15006512	TRINH THU PHƯƠNG	06/11/2000	Xã Hương Xa	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Y khoa	23.05
140	18011490	NGUYỄN THÊ VŨ	14/07/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	23.05
141	09005781	TRẦN THỊ HƯƠNG LY	16/10/2000	Xã Phúc Ứng (từ 28/4/2017)	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Y khoa	23
142	10001624	LIÊU THỊ MÂN	17/07/1999	Xã Phú Xá	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Y khoa	23
143	15003863	ĐINH VĂN LINH	10/07/1998	Xã Xuân Thủy	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Y khoa	23
144	18006173	NGUYỄN THỊ LAN	02/01/2000	Xã Xuân Hương	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	23
145	01041814	DUƠNG THỊ THU HƯỜNG	19/11/2000	Xã Văn Đồn	Huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	Y khoa	22.95
146	01079236	NGUYỄN MINH TRUNG	10/09/1999		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	22.95
147	11002689	DUƠNG THỊ HẰNG	20/03/2000	Xã Bình Văn	Huyện Chợ Mới	Bắc Kạn	Y khoa	22.95
148	12009904	NGUYỄN TRỌNG QUANG	30/08/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.95
149	15003721	NGUYỄN VĂN HÀ	12/12/1999	Xã Hương Lung	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y khoa	22.95
150	15006537	HỨA THỊ PHƯƠNG THẢO	19/02/2000		Huyện Thanh Ba	Phú Thọ	Y khoa	22.95
151	16012204	ĐỖ THANH HUYỀN	11/03/2000		Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.95
152	06000843	LÊ THỊ HIỆU	30/11/2000	Xã Lê Lai	Huyện Thạch An	Cao Bằng	Y khoa	22.9
153	12000453	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	22/03/2000	Xã Hợp Tiến	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	22.9
154	12008927	NGUYỄN THỊ THÁI NGUYỄN	06/06/1998	Xã Tân Việt	Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	Y khoa	22.9
155	12009551	NGUYỄN VĂN PHÚC	23/06/2000	Xã Phú Lạc	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	22.9
156	16011600	ĐÀO THỊ TRINH	19/08/2000	Xã Đại Đình	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.9
157	18013883	NGUYỄN THỊ NGỌC LAN	03/10/2000	Xã Văn Trung	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.9
158	29031248	NGUYỄN TIỀN THAI	22/01/2000		Huyện Yên Thành	Nghệ An	Y khoa	22.9
159	08003012	NGUYỄN THU TRANG	15/05/2000	Phường Kim Tân	Thành phố Lào Cai	Lào Cai	Y khoa	22.85
160	08004964	CAO NGUYỄN NGUYỄN	18/07/2000	Thị trấn Sa Pa	Huyện Sa Pa	Lào Cai	Y khoa	22.85
161	13004827	LÒ THỊ THANH HUYỀN	17/09/2000	Xã Đại Lịch	Huyện Văn Chấn	Yên Bái	Y khoa	22.85
162	18001409	LEO THỊ TỬ	28/06/2000	Xã Kiên Thành	Huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	Y khoa	22.85
163	18011283	NGUYỄN THỊ MINH NGUYỆT	31/08/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	22.85
164	29013324	NGUYỄN SĨ HUY	06/09/1999	Thị trấn Nghĩa Đàn	Huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	Y khoa	22.85
165	01032495	NGUYỄN THỊ THẢO LINH	01/10/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	22.8
166	15000395	TRẦN QUỐC TUẤN	28/10/2000		Thành phố Việt Trì	Phú Thọ	Y khoa	22.8
167	15005046	NGUYỄN VĂN LỰC	26/04/2000	Xã Vụ Quang	Huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	Y khoa	22.8
168	15005153	PHẠM THỊ HỒNG QUYẾN	10/01/2000	Xã Tây Cốc	Huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	Y khoa	22.8
169	15008563	NGUYỄN THANH UYÊN	28/11/2000	Xã Tiên Phú (Trước 28/4/2017)	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Y khoa	22.8
170	23007217	NGUYỄN BẢNG LONG	25/03/2000	Thị trấn Hàng Trạm	Huyện Yên Thủy	Hoà Bình	Y khoa	22.8
171	09000069	BÀN THỊ MINH HUỆ	18/01/2000	Xã Ngọc Hội	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y khoa	22.75
172	12005814	ĐINH THẢO HƯỜNG	13/10/2000	Xã Trung Lương	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	22.75
173	12011101	LÝ THU THẢO	06/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
174	18009707	LÊ THỊ THANH THỦY	19/10/2000	Xã Ngọc Châu	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.75
175	25014450	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	25/10/2000		Huyện Xuân Trường	Nam Định	Y khoa	22.75
176	01070210	ĐỖ MINH QUANG	09/10/2000		Huyện Phú Xuyên	Hà Nội	Y khoa	22.7
177	12000438	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG ANH	22/10/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.7
178	12000716	LÝ THỊ MINH ANH	29/07/2000	Xã Linh Sơn	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.7
179	12011990	HOÀNG THỊ THUY	23/07/2000	Xã Tân Hòa	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	22.7
180	15000043	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	24/10/2000	Xã Kim Đức	Thành phố Việt Trì	Phủ Thọ	Y khoa	22.7
181	15003722	NGUYỄN VIỆT HÀ	20/10/2000	Xã Xương Thịnh	Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Y khoa	22.7
182	17004142	TÔNG KHÁNH LINH	28/10/1999		Thành phố Cẩm Phả	Quảng Ninh	Y khoa	22.7
183	18010953	NGUYỄN THỊ ÁNH	04/06/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	22.7
184	19008107	NGUYỄN TRỌNG THIÊN	21/04/1999		Huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Y khoa	22.7
185	62004142	LÔ VĂN THỊNH	15/03/2000	Xã Chiềng Sinh	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên	Y khoa	22.7
186	11002658	ĐÀM THỊ HỒNG DIỆU	23/10/2000	Xã Lục Bình (trước 28/4/2017)	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	Y khoa	22.65
187	12000842	NGUYỄN VĂN BAO	12/11/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	22.65
188	12002932	ĐỒNG THỊ THANH HÀ	23/03/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Y khoa	22.65
189	16006726	LÊ QUANG TRƯỜNG	01/11/2000		Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.65
190	18005990	HOÀNG THỊ HẰNG	10/03/1999	Xã Mỹ Thái	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Y khoa	22.65
191	27003162	HOÀNG THỊ QUỲNH DƯƠNG	05/12/2000		Huyện Yên Mô	Ninh Bình	Y khoa	22.65
192	06001139	HOÀNG VĂN THAI	11/02/2000	Xã Cô Ngán	Huyện Hạ Lang	Cao Bằng	Y khoa	22.6
193	13000019	NGUYỄN THỊ THANH BÌNH	07/04/2000	Phường Nam Cường	Thành phố Yên Bái	Yên Bái	Y khoa	22.6
194	16005072	NGUYỄN THỊ THANH THUY	16/09/2000		Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.6
195	18000027	NGUYỄN THỊ CHÂM	06/05/2000	Xã An Bá	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	Y khoa	22.6
196	29030944	VŨ THỊ VĂN ANH	17/06/2000		Huyện Yên Thành	Nghệ An	Y khoa	22.6
197	01015751	NGUYỄN BÀ HOÀNG MINH	14/06/2000		Quận Thanh Xuân	Hà Nội	Y khoa	22.55
198	09000643	LÊ THỂ VŨ	04/02/2000	Phường Phan Thiết	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Y khoa	22.55
199	09000802	ĐẶNG VŨ HOÀNG	20/08/2000	Phường Minh Xuân	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Y khoa	22.55
200	11000619	PHẠM THỊ THU HIỀN	29/02/2000	Phường Sông Cầu	Thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	Y khoa	22.55
201	12011178	NGUYỄN THỊ THẢO	07/02/2000	Xã Phú Tiến	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	22.55
202	12012401	NGÔ VĨNH TOÀN	18/10/2000	Xã Đồng Thịnh	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y khoa	22.55
203	13001305	NGUYỄN THỊ THANH PHƯƠNG	17/11/2000	Xã Văn Hội	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Y khoa	22.55
204	15009778	TRẦN THỊ HỒNG NHUNG	12/01/2000	Xã Hương Nha	Huyện Tam Nông	Phủ Thọ	Y khoa	22.55
205	18014567	GIÁP VĂN LINH	22/04/2000	Xã Thương Lan	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.55
206	29002116	ĐẶNG THỊ TRUNG	12/02/1999		Huyện Đô Lương	Nghệ An	Y khoa	22.55
207	10008160	TRẦN THỊ HUYỀN	07/02/1999	Xã Yên Bình	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Y khoa	22.5
208	12000078	DƯƠNG MAI ANH	11/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.5
209	12000704	HỨA THỊ ANH	02/06/2000	Xã Nam Hòa	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Y khoa	22.5

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
210	12005995	LÊ THỊ KIM KHÁNH	01/09/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Y khoa	22.5
211	12006360	HỨA THỊ NGỌC LAN	24/11/2000	Xã Quốc Phong	Huyện Quảng Uyên	Cao Bằng	Y khoa	22.5
212	12010444	SÙNG A SỞ	05/02/1996	Xã Bản Mù	Huyện Trạm Sầu	Yên Bái	Y khoa	22.5
213	12012333	ĐẶNG THÁI TÌNH	10/03/2000	Xã Linh Sơn	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.5
214	15004375	ĐẶNG DUY PHƯƠNG	14/02/2000		Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Y khoa	22.5
215	18003741	TẶNG THỊ MAI HƯƠNG	13/07/1999	Thị trấn Đồi Ngô	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	22.5
216	18008067	LƯƠNG THỊ NGỌC HUYỀN	28/09/2000	Xã Hồng Kỳ	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Y khoa	22.5
217	18009209	PHẠM THỊ MAI DUYỀN	14/12/2000	Xã Liên Sơn	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.5
218	18013969	ĐOÀN THỊ LƯU	09/06/1999		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.5
219	23000275	NGUYỄN HÀ MAI	15/02/2000	Xã Đông Bắc	Huyện Kim Bôi	Hoà Bình	Y khoa	22.5
220	26015062	ĐẶNG THỊ THÚY	23/09/2000		Huyện Kiến Xương	Thái Bình	Y khoa	22.5
221	29023821	PHAN THỊ TÚ UYÊN	01/09/2000	Xã Thanh Thịnh	Huyện Thanh Chương	Nghệ An	Y khoa	22.5
222	10000464	HOÀNG THỊ KIM THOA	21/09/2000	Phường Đông Kinh	Thành phố Lạng Sơn	Lạng Sơn	Y khoa	22.45
223	12001683	VI THỊ DUNG	18/04/2000	Xã Đông Hưng	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y khoa	22.45
224	12008777	MAI BÍCH NGỌC	10/07/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.45
225	16000867	TRIỀU SINH TÂN	20/03/2000		Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.45
226	27002656	LÀ THỊ NGỌC LAM	26/02/2000		Huyện Hoa Lư	Ninh Bình	Y khoa	22.45
227	30015089	LÊ THỊ THƠM	12/05/2000	Xã Hương Long (trước 28/4/2017)	Huyện Hương Khê	Hà Tĩnh	Y khoa	22.45
228	62000713	ĐOÀN PHƯƠNG ANH	07/08/2000	Thị trấn Mường Ảng	Huyện Mường Ảng	Điện Biên	Y khoa	22.45
229	01041810	LÊ THỊ LAN HƯƠNG	29/10/2000		Thị xã Sơn Tây	Hà Nội	Y khoa	22.4
230	08004083	NGUYỄN VIỆT HOÀNG	08/01/1999	Thị trấn Phố Ràng	Huyện Bảo Yên	Lào Cai	Y khoa	22.4
231	12006673	DUƠNG THỊ LINH	12/05/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y khoa	22.4
232	12008171	LƯƠNG THỊ TRÀ MY	07/07/2000	Xã Minh Tiến	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	22.4
233	16011133	TRƯƠNG KIỀU ANH	03/08/2000	Xã Đồng Tĩnh	Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.4
234	18012545	HOÀNG THỊ LINH	20/07/2000	Xã Đại Thành	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y khoa	22.4
235	24001109	NGUYỄN THỊ BÍCH HƯƠNG	11/04/1999		Thành phố Phủ Lý	Hà Nam	Y khoa	22.4
236	28002635	ĐOÀN THỊ PHƯƠNG THẢO	08/11/2000		Huyện Quảng Xương	Thanh Hoá	Y khoa	22.4
237	29009542	NGUYỄN HUYỀN TRANG	30/08/2000		Huyện Nam Đàn	Nghệ An	Y khoa	22.4
238	30006814	NGUYỄN MINH DŨNG	03/11/2000		Thành phố Hà Tĩnh	Hà Tĩnh	Y khoa	22.4
239	01031855	TRẦN NGỌC DIỆP	25/09/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Y khoa	22.35
240	06003611	NGUYỄN ĐÌNH PHI	16/02/1999	Phường Sông Hiến	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Y khoa	22.35
241	09000174	CHÂU THANH TÙNG	14/01/2000	Xã Khuôn Hà	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	Y khoa	22.35
242	09000578	TRẦN THỊ HƯƠNG TRÀ	12/04/2000	Phường Phan Thiết	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Y khoa	22.35
243	12005683	MAI THỊ HƯƠNG	21/03/2000	Xã La Bằng	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y khoa	22.35
244	12005785	TRƯƠNG MAI HƯƠNG	19/08/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.35
245	12014036	PHAN THỊ VÈ	18/09/1999	Xã Phúc Thuận	Thị xã Phố Yên	Thái Nguyên	Y khoa	22.35

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
246	13000184	PHẠM ĐẮC TRUNG	26/10/2000	Phường Minh Tân	Thành phố Yên Bái	Yên Bái	Y khoa	22.35
247	13001157	TỔNG HAI BÌNH	23/11/2000	Xã Văn Hội	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Y khoa	22.35
248	29002562	DUƠNG THỊ GIANG	04/06/2000	Xã Hội Sơn	Huyện Anh Sơn	Nghệ An	Y khoa	22.35
249	01051758	VƯƠNG THỊ LINH	28/01/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Y khoa	22.3
250	01055370	HOÀNG THỊ TUYỀN	21/04/2000		Huyện Chương Mỹ	Hà Nội	Y khoa	22.3
251	12002893	NGUYỄN HOÀNG GIÁP	11/04/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.3
252	12009337	HOÀNG THUY NINH	05/08/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y khoa	22.3
253	15000025	PHẠM THỊ LAN ANH	02/03/2000	Xã Tiên Du (Từ 29/02/2016)	Huyện Phù Ninh	Phủ Thọ	Y khoa	22.3
254	15003534	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	10/10/2000	Xã Thượng Long	Huyện Yên Lập	Phủ Thọ	Y khoa	22.3
255	17014164	CAO MẠNH TÙNG	31/07/2000		Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	Y khoa	22.3
256	18013787	HOÀNG THỊ HOÀ	28/12/1999		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Y khoa	22.3
257	30014423	LÊ TUẤN ANH	05/12/2000	Thị trấn Hương Khê	Huyện Hương Khê	Hà Tĩnh	Y khoa	22.3
258	01076575	CHU THỊ KIM TRANG	15/11/1999		Huyện Thanh Oai	Hà Nội	Y khoa	22.25
259	05002516	TRIỀU THỊ HUỠNG	13/09/1999	Xã Giáp Trung	Huyện Bắc Mê	Hà Giang	Y khoa	22.25
260	10001765	TÔ MINH THU	01/07/1999	Xã Hoà Cư (trước 28/4/2017)	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Y khoa	22.25
261	10001766	HOÀNG THỊ THƯƠNG	17/02/1998	Xã Hoà Cư (trước 28/4/2017)	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Y khoa	22.25
262	12012105	CHU THỊ ĐA THƯƠNG	10/05/2000	Xã Tức Tranh	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y khoa	22.25
263	15013165	ĐỖ HUY HOÀNG	23/03/2000	Xã Hưng Long (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phủ Thọ	Y khoa	22.25
264	16009170	NGUYỄN HỒNG SƠN	09/08/2000	Xã Yên Dương (trước 28/4/2017)	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Y khoa	22.25
265	17012118	PHẠM THỊ THU HOÀN	23/06/2000	Phường Vàng Danh	Thành phố Uông Bí	Quảng Ninh	Y khoa	22.25
266	26006462	NGUYỄN THỊ HAI YẾN	10/10/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Y khoa	22.25
267	29002719	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG NHI	14/09/2000	Xã Thạch Sơn	Huyện Anh Sơn	Nghệ An	Y khoa	22.25
268	29012550	LÊ THỊ LÊ QUỲNH	09/08/2000	Xã Nghĩa Yên	Huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	Y khoa	22.25
269	12010504	LÊ DUY SƠN	28/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	21.85
270	12004359	NGUYỄN THỊ THANH HOÀI	17/05/2000	Xã Động Đạt	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y học dự phòng	21.65
271	10005984	LÊ THỊ PHƯƠNG THUY	09/01/2000	Xã Thiện Long	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	Y học dự phòng	21.2
272	12009896	NGUYỄN MINH QUANG	11/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	21.15
273	12004598	PHẠM NGỌC HOÀNG	14/09/2000	Xã Kim Phượng	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y học dự phòng	21.1
274	12004814	BÙI THỊ HUẾ	04/12/2000	Xã Tân Kim	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y học dự phòng	21
275	01023013	NGUYỄN QUỲNH ANH	23/09/2000		Quận Long Biên	Hà Nội	Y học dự phòng	20.8
276	12006526	NÔNG VĂN LẬP	10/08/2000	Xã Kim Phượng	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y học dự phòng	20.5
277	07002953	NGUYỄN QUANG LỘC	14/11/2000	Xã Năm Căn	Huyện Tân Uyên	Lai Châu	Y học dự phòng	20.4
278	12009635	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	22/02/1998	Xã Linh Thông	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y học dự phòng	20.4
279	13000676	BÀN THỊ THU HA	29/09/2000	Xã Văn Hội	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Y học dự phòng	20.3
280	06002493	LƯU THỊ PHƯƠNG THẢO	12/09/2000	Xã Chí Viễn	Huyện Trưng Khánh	Cao Bằng	Y học dự phòng	20.2
281	08000778	BÀN THỊ CẦU	18/10/2000	Xã Tân An	Huyện Văn Bàn	Lào Cai	Y học dự phòng	20.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
282	15013101	LÊ MANH CUÔNG	09/05/2000	Xã Hưng Long (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Y học dự phòng	20.05
283	12001086	MA THỊ MINH CHI	01/02/2000	Xã Minh Quang	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Y học dự phòng	19.9
284	01064828	NGUYỄN THỊ DIỆU LINH	12/02/2000		Huyện Ứng Hòa	Hà Nội	Y học dự phòng	19.7
285	28005596	THAO VĂN CẦU	13/04/1996	Xã Pù Nhi	Huyện Mường Lát	Thanh Hoá	Y học dự phòng	19.7
286	01036425	NGUYỄN ĐĂNG DŨNG	08/05/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Y học dự phòng	19.55
287	19010494	NGÔ THANH LONG	14/10/2000		Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Y học dự phòng	19.45
288	12013140	VŨ HỒNG TRƯỞNG	10/08/1999	Xã Danh Thắng	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y học dự phòng	19.25
289	28025815	TRẦN VŨ KHAI	17/12/1999		Huyện Nga Sơn	Thanh Hoá	Y học dự phòng	19.25
290	18003589	NGUYỄN THU HÀ	03/04/2000	Thị trấn Đồi Ngô	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y học dự phòng	19.05
291	01062891	NGUYỄN THỊ DIỄM QUYNH	04/11/2000		Huyện Mỹ Đức	Hà Nội	Y học dự phòng	19
292	12007170	PHẠM THỊ KIỀU LOAN	09/09/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	19
293	09004363	VŨ MỘNG HẰNG	17/04/2000	Xã Đức Ninh (từ 28/4/2017)	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Y học dự phòng	18.85
294	16009012	ĐỖ THỊ YẾN	13/08/2000	Xã Hợp Châu	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Y học dự phòng	18.85
295	12009139	VŨ HOÀNG NHI	28/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	18.8
296	18010148	ĐÀM TRANG NHUNG	17/12/2000	Xã Quang Tiến	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y học dự phòng	18.8
297	18011169	NGUYỄN XUÂN HƯƠNG	31/05/2000		Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y học dự phòng	18.7
298	10007015	PHÙNG THUY HÀ	28/10/1998	Xã Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Y học dự phòng	18.55
299	12013841	ĐẶNG THỊ MAI UYÊN	29/01/2000	Thị trấn Giang Tiên	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Y học dự phòng	18.5
300	12010313	PHẠM NHƯ QUYNH	27/08/2000	Xã Dân Tiến	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Y học dự phòng	18.4
301	15007490	NGUYỄN THUY DUNG	28/09/2000		Huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Y học dự phòng	18.4
302	17010717	NGUYỄN THỊ YẾN	18/07/2000		Thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	Y học dự phòng	18.4
303	29005252	NGUYỄN THỊ HOA MỸ	13/04/1999		Huyện Diên Châu	Nghệ An	Y học dự phòng	18.4
304	09005542	PHẠM HAI ĐĂNG	01/06/1999	Xã Đông Thọ	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Y học dự phòng	18.35
305	28030131	VŨ ANH ĐỨC	29/04/2000	Xã Quảng Nham	Huyện Quảng Xương	Thanh Hoá	Y học dự phòng	18.35
306	10006260	NÔNG MANH HÙNG	08/01/1984	Thị trấn Bắc Sơn	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Y học dự phòng	18.25
307	15006405	PHẠM MINH HIẾU	19/08/2000	Xã Vĩnh Chân	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Y học dự phòng	18.25
308	15003921	NGUYỄN THỊ THU NGÀ	11/09/2000	Thị trấn Sông Thao	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y học dự phòng	18.2
309	28023228	NGUYỄN VIỆT ANH	07/10/2000		Huyện Hoảng Hóa	Thanh Hoá	Y học dự phòng	18.2
310	10004900	HÀ BẢO CHI	30/09/2000	Xã Văn An (trước 28/4/2017)	Huyện Văn Quan	Lạng Sơn	Y học dự phòng	18.15
311	12012580	HỒ THU TRANG	05/12/2000	Xã Phúc Hà	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	18.15
312	10007316	HỨA THỊ HỒNG NHUNG	22/05/1998	Thị trấn Chi Lăng	Huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Y học dự phòng	18.1
313	12006610	TRẦN THỊ MAI LIÊN	29/11/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Y học dự phòng	18.1
314	15003877	PHẠM VŨ DIỆU LINH	01/03/2000	Thị trấn Sông Thao	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Y học dự phòng	18.05
315	05002622	MÃ CHÍ QUYNH	26/05/2000	Xã Yên Định	Huyện Bắc Mê	Hà Giang	Y học dự phòng	18
316	01050056	NGUYỄN VĂN MANH	27/05/2000		Huyện Thạch Thất	Hà Nội	Y học dự phòng	17.9
317	28006297	TRƯƠNG VĂN DŨNG	02/04/2000	Xã Lương Trung	Huyện Bá Thước	Thanh Hoá	Y học dự phòng	17.9

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
318	17005430	ĐỖ THÀNH ĐẠT	25/04/2000		Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Y học dự phòng	17.8
319	22000930	VŨ KHƯƠNG DUY	19/02/2000		Thành phố Hưng Yên	Hưng Yên	Y học dự phòng	17.8
320	29000777	TRẦN QUANG HUY	17/09/2000	Xã Tào Sơn	Huyện Anh Sơn	Nghệ An	Y học dự phòng	17.8
321	18017114	NGUYỄN THỊ THU HÀ	06/02/2000	Xã Vĩnh Khương	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	Y học dự phòng	17.75
322	19001882	NGÔ THỊ THAO	04/10/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Y học dự phòng	17.7
323	28019437	LÊ BÁT HƯƠNG	13/03/2000		Huyện Nông Cống	Thanh Hoá	Y học dự phòng	17.7
324	15013646	BUI PHI LONG	10/10/2000	Xã Lương Sơn (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phủ Thọ	Y học dự phòng	17.6
325	18011489	TẠ THỊ VINH	18/09/2000	Xã Đồng Tân	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Y học dự phòng	17.55
326	10006433	NGUYỄN THỊ PHONG	02/01/1999	Xã Vũ Lăng	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Y học dự phòng	17.5
327	12011136	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	30/01/2000	Xã Lâu Thượng	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.5
328	03019532	NGUYỄN NHẬT HẠ	01/07/1999		Quận Hồng Bàng	Hải Phòng	Y học dự phòng	17.45
329	10001293	NÔNG KHÁNH VÂN	25/12/2000	Phường Vĩnh Trại	Thành phố Lạng Sơn	Lạng Sơn	Y học dự phòng	17.4
330	12009689	NGUYỄN THỊ MINH PHƯƠNG	17/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.35
331	17002692	ĐINH VĂN THUY	15/01/2000		Huyện Tiên Yên	Quảng Ninh	Y học dự phòng	17.3
332	12003571	CHU THỊ HẬU	05/04/1998	Xã Khôi Kỳ	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.25
333	12012529	ĐINH THỊ KIỀU TRANG	15/01/2000	Xã Phúc Lương	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.25
334	25010179	ĐOÀN ANH THƯ	10/08/2000		Huyện Trục Ninh	Nam Định	Y học dự phòng	17.25
335	12008193	NGUYỄN TRÀ MY	23/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.2
336	26015303	BUI THỊ LAN HƯƠNG	03/08/2000		Huyện Kiến Xương	Thái Bình	Y học dự phòng	17.2
337	15008933	NGUYỄN THỊ TÚ MAI	27/10/2000	Xã Trị Quận	Huyện Phù Ninh	Phủ Thọ	Y học dự phòng	17.15
338	01037010	LÊ THỊ HỒNG NGỌC	29/01/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Y học dự phòng	17.05
339	12009895	NGUYỄN MINH QUANG	11/05/2000	Xã Phượng Tiến	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17.05
340	18009110	ĐỖ ANH QUANG	11/08/1993	Xã Liên Sơn	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Y học dự phòng	17.05
341	12012913	LƯƠNG KIỀU TRINH	25/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Y học dự phòng	17
342	17005584	BÊ TIỀN HÙNG	06/12/2000		Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Y học dự phòng	17
343	18016499	VŨ THỊ PHƯƠNG VÂN	28/01/2000	Xã Lan Mẫu	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y học dự phòng	16.9
344	18002358	VŨ HOÀI SƠN	13/11/2000	Xã Tiên Nha	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Y học dự phòng	16.85
345	17013966	TRẦN THỊ HIẾU NGÂN	06/10/2000		Thị xã Đông Triều	Quảng Ninh	Y học dự phòng	16.75
346	23002374	NGUYỄN THỊ THẢO	10/01/2000	Thị trấn Mường Khén (Trước 28/4/2017)	Huyện Tân Lạc	Hoà Bình	Dược học	27.5
347	10001020	HOÀNG THỊ NHUNG	19/06/2000	Xã Chiến Thắng	Huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Dược học	25.3
348	18010992	NGUYỄN ĐỨC DŨNG	24/10/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Dược học	23.6
349	01059033	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	30/08/2000		Huyện Hoài Đức	Hà Nội	Dược học	23.5
350	13006871	HOÀNG THỊ TÌNH	01/12/1999	Xã Khánh Hòa	Huyện Lục Yên	Yên Bái	Dược học	23.45
351	12009255	NGUYỄN THỊ NHUNG	04/10/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Dược học	23.4
352	12012928	VI THỊ KIỀU TRINH	11/09/2000	Xã Hoàng Nông	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Dược học	23.35

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
353	16000119	LƯƠNG THI ÁNH ĐIẾP	28/06/1999	Xã Bồ Lý (trước 28/4/2017)	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Dược học	23.25
354	15006151	NGUYỄN HỒNG NHUNG	05/03/2000	Thị trấn Hạ Hòa	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Dược học	23.05
355	12009148	LÊ THỊ NHIÊN	23/10/2000		Thị xã Phò Yên	Thái Nguyên	Dược học	22.95
356	12002654	NGUYỄN VŨ ĐỨC	04/05/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	22.8
357	28010398	NGUYỄN THỊ HUYỀN	03/01/2000	Xã Thành Hưng	Huyện Thạch Thành	Thanh Hoá	Dược học	22.75
358	08004323	VUÔNG THỊ YẾN	21/02/1999	Xã Bản Lâu	Huyện Mường Khương	Lào Cai	Dược học	22.7
359	15011255	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	01/10/2000	Xã Yên Lãng	Huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	Dược học	22.7
360	12003631	CHU THỊ THU HIỀN	20/02/2000	Xã Hoa Thám	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	Dược học	22.65
361	12008915	NGUYỄN CẢNH NGUYỄN	28/04/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	22.6
362	12002320	NÔNG THÀNH ĐẠT	19/11/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	22.5
363	01028943	PHẠM THỊ KIỀU ANH	09/07/2000		Huyện Gia Lâm	Hà Nội	Dược học	22.4
364	18005958	NGUYỄN TRINH THỊ HÀ	27/10/2000	Xã Xuân Hương	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Dược học	22.35
365	28015589	LÊ THỊ HAO	09/11/2000		Huyện Thiệu Hóa	Thanh Hoá	Dược học	22.3
366	15013290	NGUYỄN NGỌC PHI	10/08/2000	Xã Xuân Thủy	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Dược học	22.25
367	16007135	NGUYỄN HỒNG DUYỄN	29/04/2000		Thành phố Phúc Yên	Vĩnh Phúc	Dược học	22.2
368	12013177	ĐỒNG HOANG TÚ	24/04/2000	Xã La Hiên	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Dược học	22.1
369	12008118	VŨ THỊ NGỌC MINH	16/10/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Dược học	22
370	18008208	NGUYỄN THỊ VĂN NGA	06/04/2000	Xã Tân Trung	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Dược học	22
371	25016441	NGUYỄN QUANG TRUNG	28/10/2000		Huyện Giao Thủy	Nam Định	Dược học	22
372	12003126	ĐẶNG NGỌC HAI	09/01/2000	Xã Lao Và Chải	Huyện Yên Minh	Hà Giang	Dược học	21.95
373	18006142	NGUYỄN THỊ HUỠNG	02/09/2000	Xã Đào Mỹ	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Dược học	21.95
374	09005464	NGUYỄN TUẤN ANH	08/11/2000	Thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Dược học	21.85
375	16007540	NGUYỄN THỊ THAO	17/07/2000		Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Dược học	21.85
376	06000790	LƯƠNG ANH THƯ	17/07/2000	Phường Hợp Giang	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Dược học	21.8
377	16002801	NGÔ VĂN HOẠT	21/10/2000		Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Dược học	21.8
378	28033533	LÊ TIẾN ĐẠT	24/01/2000		Huyện Yên Định	Thanh Hoá	Dược học	21.8
379	29020794	HOÀNG ANH TUẤN	04/07/2000	Thị trấn Tân Kỳ	Huyện Tân Kỳ	Nghệ An	Dược học	21.8
380	13002629	NGUYỄN HỒNG NHUNG	23/09/2000	Thị trấn Yên Thế	Huyện Lục Yên	Yên Bái	Dược học	21.75
381	18009537	THẦN NHÂN NAM	29/08/2000	Xã Ngọc Vân	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Dược học	21.7
382	07001423	LÒ THỊ HÀ	15/05/2000	Xã Năm Xe	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	Dược học	21.65
383	10001350	VŨ NHƯ ANH	19/09/2000	Phường Vinh Trai	Thành phố Lạng Sơn	Lạng Sơn	Dược học	21.6
384	12010264	NGUYỄN THỊ NHƯ QUỲNH	01/03/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	21.6
385	27002101	PHẠM PHƯƠNG THAO	29/03/2000	Xã Gia Vân	Huyện Gia Viễn	Ninh Bình	Dược học	21.6
386	33003174	LÊ CẨM HUYỀN	10/11/2000		Huyện Bồ Trách	Quảng Bình	Dược học	21.6
387	18004120	NGUYỄN THỊ HƯƠNG TRÀ	05/05/2000	Xã Cương Sơn	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Dược học	21.55
388	15003891	ĐINH BÁ LUẬN	25/05/1999	Xã Minh Hòa	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Dược học	21.5

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
389	19012682	TRẦN THỊ NHI	29/05/2000		Huyện Gia Bình	Bắc Ninh	Dược học	21.5
390	16001329	PHẠM DƯƠNG CUÔNG	30/11/2000		Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Dược học	21.45
391	18011336	NGUYỄN THỊ DIỄM QUỲNH	14/01/2000		Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Dược học	21.45
392	26000048	HA THỊ CHI	26/05/1999		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Dược học	21.45
393	62002940	ĐÌNH HAI PHƯỢNG	05/08/2000	Thị trấn Mường Ang	Huyện Mường Ang	Điện Biên	Dược học	21.45
394	15007864	NGUYỄN THỊ TÚ	14/11/2000		Huyện Lâm Thao	Phủ Thọ	Dược học	21.4
395	21016030	VŨ THỊ THUY DƯƠNG	15/03/2000		Huyện Nam Sách	Hải Dương	Dược học	21.4
396	01032925	LÊ THU TRÀ	08/12/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Dược học	21.35
397	01037222	ĐỖ THỊ THÌN	15/08/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Dược học	21.35
398	12006324	BÀNG THỊ LAN	27/02/2000	Xã Tân Thịnh	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Dược học	21.35
399	15003599	DƯƠNG THỊ KIM ANH	24/04/2000	Xã Cáp Dẫn	Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Dược học	21.35
400	19003630	NGÔ MINH THU	12/09/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Dược học	21.35
401	27005160	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	07/10/2000		Huyện Yên Khánh	Ninh Bình	Dược học	21.3
402	12000491	NGUYỄN VĂN ANH	22/07/2000	Xã Cổ Lũng	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Dược học	21.25
403	19008965	NGUYỄN THỊ CHÍNH	27/08/2000		Huyện Quê Võ	Bắc Ninh	Dược học	21.25
404	25009310	VŨ THỊ TUYẾT	03/06/2000		Huyện Nam Trực	Nam Định	Dược học	21.25
405	29024059	PHẠM THUY GIANG	17/04/2000		Thành phố Vinh	Nghệ An	Dược học	21.25
406	19011802	NGUYỄN THỊ MAI	09/05/2000		Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Dược học	21.2
407	27005343	NGUYỄN THỊ MỸ LINH	28/10/1999		Huyện Yên Khánh	Ninh Bình	Dược học	21.2
408	12000123	ĐẶNG THỊ PHƯƠNG ANH	05/09/2000	Xã Bình Sơn	Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Dược học	21.1
409	16009536	DƯƠNG HUONG LY	27/11/2000		Thành phố Vinh Yên	Vĩnh Phúc	Dược học	21.1
410	18003730	DƯƠNG THU HƯƠNG	04/06/2000	Thị trấn Đồi Ngô	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Dược học	21.1
411	21004791	VŨ THỊ HƯƠNG QUỲNH	12/04/2000		Huyện Ninh Giang	Hải Dương	Dược học	21.1
412	23000995	BUI THỊ KIM CHI	24/11/2000	Xã Nhân Nghĩa	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Dược học	21.1
413	28013791	NGUYỄN THỊ LAN	10/05/2000		Huyện Thọ Xuân	Thanh Hoá	Dược học	21.1
414	28034886	BUI THỊ LAN ANH	04/06/2000		Huyện Ngọc Lặc	Thanh Hoá	Dược học	21.1
415	17005568	BUI MINH HOÀNG	28/12/2000		Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Dược học	21.05
416	17008938	PHẠM THỊ BÍCH NGÂN	05/09/2000	Phường Nam Khê	Thành phố Uông Bí	Quảng Ninh	Dược học	21.05
417	21020048	ĐỒNG THỊ HẢI YẾN	31/08/2000		Huyện Kim Thành	Hải Dương	Dược học	21.05
418	28029408	NGUYỄN THỊ THƯƠNG	01/01/2000		Huyện Quảng Xương	Thanh Hoá	Dược học	21.05
419	12006816	LÊ THUY LINH	11/06/2000	Xã Tân Hòa	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Dược học	21
420	01062497	NGUYỄN HẠNH CHUYỀN	03/06/2000		Huyện Mỹ Đức	Hà Nội	Dược học	20.95
421	12013288	TRẦN NGỌC TÚ	25/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.95
422	25009446	VŨ THỊ HÀ	29/11/2000		Huyện Trục Ninh	Nam Định	Dược học	20.95
423	26002129	VŨ THỊ HAI	17/09/2000		Thành phố Thái Bình	Thái Bình	Dược học	20.95
424	28008410	LÊ THỊ TRANG	01/03/2000	Xã Phú Nhuận (Trước 28/04/2017)	Huyện Như Thanh	Thanh Hoá	Dược học	20.95

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
425	29002583	PHẠM THỊ HIỀN	01/07/2000	Xã Linh Sơn	Huyện Anh Sơn	Nghệ An	Dược học	20.95
426	16007026	NGUYỄN THỊ THANH TÚ	28/11/2000	Xã Đôn Nhân	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Dược học	20.9
427	16009393	ĐỖ THỊ HẬU	26/10/2000		Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	Dược học	20.9
428	18003735	LÊ THANH HƯƠNG	04/08/2000	Xã Đông Phú	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Dược học	20.9
429	19007941	NGUYỄN VIỆT LINH	29/02/2000		Huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Dược học	20.9
430	26003326	NGUYỄN THỊ HẰNG	16/06/2000		Huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình	Dược học	20.9
431	28026530	LÀ THỊ HUYỀN TRANG	01/06/2000		Huyện Hà Trung	Thanh Hoá	Dược học	20.9
432	01014343	ĐÀO HOÀI ANH	06/01/2000		Quận Thanh Xuân	Hà Nội	Dược học	20.85
433	10007833	NGUYỄN THỊ NGỌC ANH	17/12/2000	Thị trấn Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Dược học	20.85
434	12002780	LÂM HOÀNG GIANG	15/02/2000	Xã La Hiên	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Dược học	20.85
435	23000019	LÊ THỊ KIM ANH	14/08/2000	Thị trấn Thanh Hà	Huyện Lạc Thủy	Hoà Bình	Dược học	20.85
436	23000064	HOÀNG VŨ KIM CƯƠNG	11/11/2000	Phường Hữu Nghị	Thành phố Hòa Bình	Hoà Bình	Dược học	20.85
437	26006775	NGUYỄN THỊ MIỀN	14/05/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Dược học	20.85
438	12001213	PHẠM VĂN CHINH	14/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.8
439	12007274	LƯƠNG ĐỨC LONG	17/11/1998	Xã Phú Lý	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Dược học	20.8
440	19003690	NGUYỄN THỊ TRANG	01/05/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Dược học	20.8
441	62000120	NGUYỄN THỦY DƯƠNG	01/11/2000	Phường Him Lam	Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	Dược học	20.8
442	01042905	NINH THỊ TUYẾT	30/12/2000	Xã Bình Sơn	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Dược học	20.75
443	25014309	LÊ ĐIỀU LINH	17/10/2000		Huyện Xuân Trường	Nam Định	Dược học	20.75
444	12002700	VŨ VIỆT ĐỨC	23/09/2000	Xã Văn Yên	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Dược học	20.7
445	26001296	NGUYỄN THỊ HOÀNG ANH	22/07/2000		Thành phố Thái Bình	Thái Bình	Dược học	20.7
446	12004251	ĐỖ THỊ MINH HÒA	14/03/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.65
447	18009492	GIÁP THỊ MAI	23/11/2000	Xã Việt Lập	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Dược học	20.65
448	26007355	NGHIÊM THỊ THANH THAO	18/03/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Dược học	20.65
449	27007500	NGUYỄN THỊ HUỆ	29/03/2000		Huyện Kim Sơn	Ninh Bình	Dược học	20.65
450	30008865	BIÊN THỊ THẢO	11/02/2000		Huyện Can Lộc	Hà Tĩnh	Dược học	20.65
451	12012028	ẤU ANH THU	03/11/2000	Xã Quang Sơn	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Dược học	20.6
452	22004657	PHẠM HỒNG QUẢN	30/07/2000		Huyện Ân Thi	Hưng Yên	Dược học	20.6
453	29025880	CAO THỊ THƯƠNG	22/01/2000	Xã Nghĩa Mai	Huyện Nghĩa Đàn	Nghệ An	Dược học	20.6
454	62000934	TRẦN TUYẾT NHUNG	07/01/2000	Phường Nam Thanh	Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	Dược học	20.6
455	01036797	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	18/05/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Dược học	20.55
456	01064775	NGUYỄN THU HƯƠNG	01/11/2000		Huyện Ứng Hòa	Hà Nội	Dược học	20.55
457	12007034	TRẦN HOÀI LINH	06/07/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.55
458	18008713	MÔNG THỊ LUYỀN	01/12/2000	Xã Đồng Hưu	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Dược học	20.55
459	01050150	NGUYỄN THỊ HƯƠNG SEN	17/03/2000	Xã Tiên Xuân	Huyện Thạch Thất	Hà Nội	Dược học	20.5
460	01064528	NGUYỄN THỊ VĂN ANH	09/04/2000		Huyện Ứng Hòa	Hà Nội	Dược học	20.5

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
461	12001636	LÊ THỊ THUY DUNG	01/05/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Dược học	20.5
462	12013969	ĐÀO THỊ KHANH VÂN	21/05/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.5
463	19003531	NGUYỄN THỊ THUY PHƯƠNG	17/12/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Dược học	20.5
464	26009896	VŨ THỊ HOA HỒNG	22/02/2000		Huyện Đông Hưng	Thái Bình	Dược học	20.5
465	28029203	TRẦN THỊ KHÁNH LY	16/08/1999	Xã Quảng Lưu (Trước 25/1/2017)	Huyện Quảng Xương	Thanh Hoá	Dược học	20.5
466	22012831	VŨ THỊ THẢO	06/04/1999		Huyện Văn Giang	Hưng Yên	Dược học	20.45
467	03009452	LƯU THỊ THUY LINH	11/12/2000		Quận Lê Chân	Hải Phòng	Dược học	20.4
468	07000183	MA A ĐU	02/09/2000	Xã Ma Ly Chải	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	Dược học	20.4
469	10008051	ĐẶNG THỊ THU HẰNG	12/01/2000	Thị trấn Hữu Lũng	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Dược học	20.4
470	12008933	NGUYỄN TRUNG NGUYỄN	01/02/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Dược học	20.4
471	18000315	NGUYỄN THỊ THUYẾN	14/02/2000	Xã Long Sơn	Huyện Sơn Động	Bắc Giang	Dược học	20.4
472	27008616	PHẠM THỊ LY	31/03/2000	Xã Yên Thành	Huyện Yên Mô	Ninh Bình	Dược học	20.4
473	44001611	NGÔ NGỌC KIM THƯƠNG	28/07/2000		Thị xã Thuận An	Bình Dương	Dược học	20.4
474	10001103	DUƠNG THỊ TÂM	17/01/2000	Xã Thiện Kỵ	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Dược học	20.35
475	15008376	ĐOÀN DIỆU LINH	02/07/2000	Xã Trung Giáp (Trước 28/4/2017)	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Dược học	20.35
476	25006984	HOÀNG THỊ HAO	17/07/2000		Huyện ý Yên	Nam Định	Dược học	20.35
477	28007606	TRINH THỊ LAN	25/05/2000	Thị trấn Yên Cát	Huyện Như Xuân	Thanh Hoá	Dược học	20.35
478	29024599	LƯƠNG ĐÌNH ẮN	05/12/1999	Xã Đa K'Nang	Huyện Đam Rông	Lâm Đồng	Dược học	20.35
479	15004109	DUƠNG THỊ KIM YẾN	24/04/2000	Xã Cấp Dẫn	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Dược học	20.3
480	29023534	ĐÌNH THỊ TRÀ GIANG	26/05/2000		Huyện Thanh Chương	Nghệ An	Dược học	20.3
481	29024176	TRẦN THỊ MAI HƯƠNG	01/11/2000	Xã Mường Nọc	Huyện Quê Phong	Nghệ An	Dược học	20.3
482	40004229	TRẦN THỊ THANH TÂM	09/08/2000	Xã Phú Xuân	Huyện Krông Năng	Đắk Lắk	Dược học	20.3
483	01037680	HOÀNG THỊ SƠN	27/03/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Dược học	20.25
484	03020064	DUƠNG THỊ THUY TIỀN	08/12/1999		Huyện An Dương	Hải Phòng	Dược học	20.25
485	12000443	NGUYỄN THỊ QUỲNH ANH	14/12/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Dược học	20.25
486	12008718	ĐẶNG THỊ MINH NGỌC	06/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.25
487	17001570	TRẦN THỊ THU UYÊN	04/10/2000	Xã Quảng Long	Huyện Hải Hà	Quảng Ninh	Dược học	20.25
488	29001933	NGUYỄN ĐÌNH TÀI	10/08/2000		Huyện Đô Lương	Nghệ An	Dược học	20.25
489	62003099	LÒ THỊ NGHĨA	28/02/2000	Xã Nà Tông	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên	Dược học	20.25
490	10002315	ĐÀO THÁI SƠN	29/10/2000	Xã Văn An (trước 28/4/2017)	Huyện Văn Quan	Lạng Sơn	Dược học	20.2
491	12001638	LÊ THUY DUNG	27/07/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.2
492	12010590	TRẦN NGỌC SƠN	01/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.2
493	15011057	PHẠM THUY QUỲNH	22/05/2000	Xã Ngọc Đông (Từ 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phú Thọ	Dược học	20.2
494	19013029	NGUYỄN THỊ HẰNG	31/10/2000		Huyện Gia Bình	Bắc Ninh	Dược học	20.2
495	09003651	HOÀNG THỊ MƠ	21/11/2000	Xã Yên nguyên	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Dược học	20.15
496	25017000	NGUYỄN THỊ NGỌC	06/02/2000		Huyện Hải Hậu	Nam Định	Dược học	20.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
497	01051513	NGUYỄN THỊ NGỌC BẢO	27/10/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Dược học	20.1
498	06000800	HOÀNG TUẤN TÙNG	23/05/2000	Phường Hợp Giang	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Dược học	20.1
499	12009751	SÙNG THỊ PHƯƠNG	25/06/2000	Xã Bản Phố	Huyện Bắc Hà	Lào Cai	Dược học	20.1
500	12010796	XIÊM HỒNG THAI	04/04/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Dược học	20.1
501	14001569	TRẦN THU NGUYỆT	18/06/2000	Xã Chiềng Sơ	Huyện Sông Mã	Sơn La	Dược học	20.1
502	15012701	ĐẶNG THANH CHUNG	20/04/2000	Xã Hoàng Xá (Trước 28/4/2017)	Huyện Thanh Thủy	Phủ Thọ	Dược học	20.1
503	29013453	VÕ HỒNG QUẢN	29/01/2000		Thị Xã Thái Hòa	Nghệ An	Dược học	20.1
504	01041654	HOÀNG THỊ CÔNG	03/06/2000	Xã Mường Kim	Huyện Than Uyên	Lai Châu	Dược học	20.05
505	01078671	HOÀNG MAI HƯƠNG	10/04/1999	Xã An Phú (trước 28/4/2017)	Huyện Mỹ Đức	Hà Nội	Dược học	20.05
506	12002112	NGUYỄN MAI QUANG DƯƠNG	09/11/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	20.05
507	15000503	GIẢNG THỊ DÔNG	03/05/1999	Xã Háng Lía	Huyện Điện Biên Đông	Điện Biên	Dược học	20.05
508	15009092	HÀN THỊ ĐÔNG	05/07/2000	Xã Văn Lương (Trước 28/4/2017)	Huyện Tam Nông	Phủ Thọ	Dược học	20.05
509	25010573	TRẦN THỊ OANH	14/05/2000		Huyện Trục Ninh	Nam Định	Dược học	20.05
510	28018981	LÊ THỊ HUYỀN	26/05/2000		Huyện Triệu Sơn	Thanh Hoá	Dược học	20.05
511	01045263	TRẦN ĐÌNH QUYỀN	10/01/2000		Huyện Ba Vì	Hà Nội	Dược học	20
512	08003908	ĐOÀN THANH TÙNG	22/05/2000	Phường Duyên Hải	Thành phố Lào Cai	Lào Cai	Dược học	20
513	09004087	PHẠM HAI YẾN	04/02/2000	Xã Thái Sơn	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Dược học	20
514	10007184	PHÙNG THỊ HÀ LAN	04/10/1996	Xã Quang Lang	Huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Dược học	20
515	12008791	NGUYỄN BẢO NGỌC	15/10/2000	Xã Hóa Trung	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Dược học	20
516	19011080	NGUYỄN THỊ MAI HƯƠNG	28/10/2000		Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Dược học	19.95
517	30006630	PHẠM THỊ PHƯƠNG THAO	25/07/2000	Xã Thạch Trị	Huyện Thạch Hà	Hà Tĩnh	Dược học	19.95
518	05000173	ĐỖ THU HUỆ	24/10/2000	Phường Quang Trung	Thành phố Hà Giang	Hà Giang	Dược học	19.9
519	07000639	NỪNG THỊ THÈM	10/01/2000	Xã Mường Cang	Huyện Than Uyên	Lai Châu	Dược học	19.9
520	12012074	NÔNG THỊ MAI THU	18/10/2000	Xã Cư Lễ	Huyện Na Rì	Bắc Kạn	Dược học	19.9
521	13000418	TRƯƠNG NGỌC BẢO LINH	15/11/2000	Phường Minh Tân	Thành phố Yên Bái	Yên Bái	Dược học	19.9
522	19003581	TRẦN THỊ THANH TÂM	06/12/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Dược học	19.9
523	26006093	ĐỖ THỊ HUYỀN	12/09/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Dược học	19.9
524	26016696	PHẠM MINH HIỆU	02/05/2000		Huyện Tiền Hải	Thái Bình	Dược học	19.9
525	27006308	PHẠM THỊ THU HẰNG	06/08/2000		Huyện Kim Sơn	Ninh Bình	Dược học	19.9
526	27009322	LÊ MỸ HOÀNG VIỆT	24/10/2000	Phường Bắc Sơn	Thành phố Tam Điệp	Ninh Bình	Dược học	19.9
527	28019427	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	19/09/2000		Huyện Nông Cống	Thanh Hoá	Dược học	19.9
528	28024721	LÊ THỊ NGỌC	19/11/2000	Xã Hoảng Thanh	Huyện Hoảng Hóa	Thanh Hoá	Dược học	19.9
529	29018400	PHẠM THỊ DIỆU THUY	12/02/2000		Huyện Quỳnh Lưu	Nghệ An	Dược học	19.9
530	01033632	NGUYỄN HÀ VY	24/09/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Dược học	19.85
531	03019947	LƯƠNG VĂN KHÔI	02/05/1999		Huyện Kiến Thụy	Hải Phòng	Dược học	19.85
532	12004297	DƯƠNG THỊ THANH HOAI	10/12/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Dược học	19.85

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
533	12005776	TRẦN THỊ THU HƯƠNG	01/12/2000	Xã Sơn Cẩm	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	19.85
534	12011814	HAC PHƯƠNG THUỶ	09/12/2000	Xã Diêm Mặc	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Dược học	19.85
535	25009197	TRẦN VĂN THẾ	07/08/2000		Huyện Nam Trục	Nam Định	Dược học	19.85
536	08001880	PHẠM THÀNH CÔNG	04/04/2000	Thị trấn Bắc Hà	Huyện Bắc Hà	Lào Cai	Dược học	19.8
537	09004677	VŨ THUY HẰNG	04/03/2000	Xã Lang Quán	Huyện Yên Sơn	Tuyên Quang	Dược học	19.8
538	11001009	CHU THỊ XOAN	19/09/2000	Xã Nông Thượng	Thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	Dược học	19.8
539	01051792	MAI THỊ THANH MAI	07/10/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Dược học	19.75
540	18017959	NGUYỄN THỊ NGỌC	03/05/2000		Thành phố Bắc Giang	Bắc Giang	Dược học	19.75
541	29025938	LÝ Y UA	06/02/2000	Xã Mường Lống	Huyện Kỳ Sơn	Nghệ An	Dược học	19.75
542	07002826	CHU THỊ AN	18/03/2000	Thị trấn Tân Uyên	Huyện Tân Uyên	Lai Châu	Dược học	19.7
543	08002593	GOÀNG SEO HOA	13/04/2000	Xã Tả Gia Khâu	Huyện Mường Khương	Lào Cai	Dược học	19.7
544	17008174	TỬ HẢI HÀ	02/04/2000		Thành phố Hạ Long	Quảng Ninh	Dược học	19.7
545	18009283	VI THỊ HẬU	26/06/1999	Xã Phúc Hòa	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Dược học	19.7
546	29023762	NGUYỄN THỊ THUY	15/12/2000		Huyện Thanh Chương	Nghệ An	Dược học	19.7
547	12001722	HOÀNG TIẾN DŨNG	11/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Dược học	19.65
548	12006999	PHẠM THỊ THUY LINH	20/09/2000	Xã Tức Tranh	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Dược học	19.65
549	14000436	NGÔ LAN HƯƠNG	15/04/2000	Xã Chiềng Hắc	Huyện Yên Châu	Sơn La	Dược học	19.65
550	16006915	NGUYỄN THỊ LUÂN LINH	22/01/2000	Xã Đôn Nhân	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Dược học	19.65
551	17005172	VŨ TẠ HỒNG LUYA	05/12/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Dược học	19.65
552	30013660	PHẠM HOÀI THANH HOA	16/06/2000	Xã Sơn Mỹ (trước 28/4/2017)	Huyện Hương Sơn	Hà Tĩnh	Dược học	19.65
553	38004280	JIN	00/00/2000	Xã Đề Ar	Huyện Mang Yang	Già Lai	Dược học	19.65
554	05000241	QUÁCH KHÁNH LINH	10/08/2000	Phường Nguyễn Trãi	Thành phố Hà Giang	Hà Giang	Dược học	19.6
555	25010608	LƯU TIẾN THÁI	03/07/2000		Huyện Trục Ninh	Nam Định	Dược học	19.6
556	38012066	NGUYỄN VĂN DŨNG	20/04/1999	Phường Thống Nhất	Thành phố Pleiku	Già Lai	Dược học	19.6
557	06001866	MA NGỌC ÁI	26/01/2000	Xã Bắc Hợp	Huyện Nguyên Bình	Cao Bằng	Dược học	19.55
558	12002954	LÊ THỊ HÀ	16/07/2000	Xã Bình Yên	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Dược học	19.55
559	12013628	PHAN VĂN TÙNG	22/02/2000	Xã Yên Đỗ	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Dược học	19.55
560	28027267	PHẠM THỊ HIỀN	23/06/1999		Huyện Hậu Lộc	Thanh Hoá	Dược học	19.55
561	11000783	NGUYỄN HÀ MY	17/11/2000	Phường Nguyễn Thị Minh Khai	Thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	Dược học	19.5
562	12008825	NGUYỄN THỊ NGỌC	26/09/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Dược học	19.5
563	22005025	BUI THỊ HOÀI PHƯƠNG	26/11/2000		Huyện Ân Thi	Hưng Yên	Dược học	19.5
564	26006209	TRẦN THỊ THU NGÀ	29/05/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Dược học	19.5
565	40007985	TRINH THỊ THAO	10/01/2000	Xã Pong Drang	Huyện Krông Buk	Đắk Lắk	Dược học	19.5
566	23006541	ĐÌNH THỊ THU HỒNG	12/12/2000	Thị trấn Chi Nê	Huyện Lạc Thủy	Hoà Bình	Điều dưỡng	23.9
567	62003316	TÔNG THỊ HIỀN	06/09/2000	Xã Xá Nhè	Huyện Tòa Chùa	Điện Biên	Điều dưỡng	22.5
568	18003636	NGUYỄN THỊ HIỀN	11/04/2000	Xã Bảo Sơn	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Điều dưỡng	22.3

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
569	12000525	PHẠM THỊ LAN ANH	08/08/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	22.25
570	14009341	NGUYỄN HỒNG HẠNH	08/02/2000	TTNT Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	Sơn La	Điều dưỡng	21.8
571	01052119	NGUYỄN THỊ THANH TUYỀN	09/04/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	21.75
572	09000016	LÂN THỊ DÀNH	09/10/2000	Xã Hồng Quang	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	Điều dưỡng	21.7
573	12007127	TU TRUNG LĨNH	14/11/1999	Xã Kim Sơn	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.55
574	12009193	HOÀNG THỊ HỒNG NHUNG	22/03/2000	Xã Khe Mo	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.55
575	18010976	NGUYỄN THỊ VIỆT CHINH	08/03/2000	Xã Thanh Vân	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Điều dưỡng	21.55
576	12004717	LÝ MAI HỒNG	10/03/2000	Xã Quảng Ngần	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	Điều dưỡng	21.5
577	12006713	ĐẶNG THUY LINH	17/02/1999	Xã Na Mao	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.35
578	15006169	NGUYỄN THỊ THẢO PHƯƠNG	24/09/2000	Xã Hà Lương	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Điều dưỡng	21.35
579	10004049	LƯƠNG LỆ GIANG	11/08/2000	Xã Đề Thám	Huyện Tràng Định	Lạng Sơn	Điều dưỡng	21.3
580	13001267	NGUYỄN THỊ THÚY MƯỜI	24/04/2000	Xã An Phú	Huyện Lục Yên	Yên Bái	Điều dưỡng	21.3
581	15008671	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	08/08/2000		Huyện Phú Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	21.3
582	26005982	HOÀNG HỒNG HẠNH	08/09/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Điều dưỡng	21.25
583	01029457	NGUYỄN MINH HẰNG	13/10/2000		Huyện Gia Lâm	Hà Nội	Điều dưỡng	21.2
584	16000118	TRẦN NGỌC ĐĂNG	18/02/1999	Xã Đông Thịnh	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	21.2
585	18012188	NGUYỄN THỊ MINH	21/12/2000	Xã Hương Lâm	Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Điều dưỡng	21.2
586	12000242	LÊ THỊ NGỌC ANH	09/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.15
587	12001527	NGUYỄN HƯƠNG DIỄM	30/04/2000	Xã Tân Khánh	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.15
588	12011035	ĐỖ PHƯƠNG THAO	24/07/2000	Xã Văn Lãng	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.1
589	18014765	ĐẶNG THANH TÙNG	15/07/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	21.1
590	12002821	NGUYỄN THỊ HƯƠNG GIANG	06/07/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	21.05
591	09003164	MA THỊ HỒNG NGÁT	17/11/2000	Xã Hồng Quang	Huyện Lâm Bình	Tuyên Quang	Điều dưỡng	21
592	12000591	TRẦN THỊ TRANG ANH	19/08/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.95
593	06000635	NGUYỄN THỊ TÚ ANH	05/11/2000	Phường Hợp Giang	Thành phố Cao Bằng	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.9
594	12001951	DƯƠNG THỊ DUYỀN	07/03/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.9
595	15006263	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	19/09/2000	Xã Vô Tranh	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.9
596	18006794	ĐỒNG THỊ HOÀI	23/04/2000	Xã An Hà	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.9
597	01057072	NGUYỄN NAM TRƯỜNG	13/12/2000		Huyện Đan Phượng	Hà Nội	Điều dưỡng	20.85
598	01059067	NGUYỄN DOÀN THỊ QUỲNH	30/07/2000		Huyện Hoài Đức	Hà Nội	Điều dưỡng	20.85
599	12001548	LÒ THỊ DIỆP	21/01/2000	Xã Chiềng La	Huyện Thuận Châu	Sơn La	Điều dưỡng	20.85
600	12003495	NGUYỄN THỊ HẰNG	05/11/2000	Xã Minh Lập (2016)	Huyện Đông Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.85
601	14001795	LÒ THỊ MÂY	26/02/2000	Xã Chiềng Lao	Huyện Mường La	Sơn La	Điều dưỡng	20.85
602	19004431	NGUYỄN THỊ KHÁNH HUYỀN	12/11/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Điều dưỡng	20.85
603	05004306	NGUYỄN ĐÌNH CHUẨN	01/08/2000	Xã Vi Thương	Huyện Quang Bình	Hà Giang	Điều dưỡng	20.8
604	11002046	NGÔ THỊ MÈN	03/11/2000	Xã Thượng Quan	Huyện Ngân Sơn	Bắc Kạn	Điều dưỡng	20.8

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
605	15011212	ĐINH THỊ THỦY DUNG	01/05/2000	Xã Hương Cẩn	Huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.8
606	15006238	TRẦN THỊ NGỌC THUY	20/01/2000	Xã Đan Hà	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.75
607	16009084	ĐÀO THỊ HOAI	27/05/2000	Xã Yên Dương (trước 28/4/2017)	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	20.75
608	18004014	NGUYỄN THỊ THAI	18/08/2000	Xã Đông Phú	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.75
609	12006365	LUƠNG THỊ LAN	10/02/2000	Xã Kỳ Phú	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.7
610	27006506	TRẦN THỊ THU THAO	23/03/2000		Huyện Kim Sơn	Ninh Bình	Điều dưỡng	20.7
611	15009457	TRẦN THANH HƯƠNG	26/12/2000	Xã Thượng Nông	Huyện Tam Nông	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.65
612	15004461	TRẦN THỊ THỦY TRANG	25/09/2000	Xã Tùng Khê	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.55
613	28024352	LÊ THỊ HUYỀN TRANG	12/11/2000		Huyện Hoảng Hóa	Thanh Hóa	Điều dưỡng	20.55
614	10003363	CHU THỊ TUYẾT	11/04/2000	Xã Bằng Khánh	Huyện Lộc Bình	Lạng Sơn	Điều dưỡng	20.5
615	12011694	DUƠNG THỊ HUYỀN THU	25/10/2000	Xã Quang Sơn	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.45
616	15008279	NGUYỄN THỊ THU HAI	16/10/2000	Xã Phù Ninh (Trước 28/4/2017)	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.45
617	09001932	NGÔ HOÀNG LONG	29/07/2000	Xã Đội Cấn	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Điều dưỡng	20.4
618	16006516	PHẠM THỊ THU HIỀN	20/02/2000		Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	20.4
619	16007008	ĐỖ THỊ TÌNH	11/03/2000	Xã Nhân Đạo	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	20.4
620	11000564	ĐẶNG VĂN DƯƠNG	19/01/2000	Xã Dương Phong (trước 28/4/2017)	Huyện Bạch Thông	Bắc Kạn	Điều dưỡng	20.35
621	12005802	BUI THỊ HƯƠNG	13/01/2000	Xã Văn Lãng	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.35
622	18008457	PHẠM KHÁNH VĂN	16/10/2000	Thị trấn Cầu Gồ	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.35
623	06002595	PHAN HỒNG ĐIẾP	01/10/2000	Xã Hồng Định	Huyện Quảng Uyên	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.3
624	09005911	LÊ PHƯƠNG THAO	04/08/1999	Xã Hồng Lạc	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Điều dưỡng	20.3
625	14006310	LÊ BÌNH THANH	16/02/1998	Xã Chiềng Mung (từ 28/4/2017)	Huyện Mai Sơn	Sơn La	Điều dưỡng	20.3
626	16007217	NGUYỄN THỊ HIỀN	16/07/2000		Huyện Mê Linh	Hà Nội	Điều dưỡng	20.3
627	01074749	PHÙNG THỊ ANH NGUYỆT	25/04/2000	Xã Chiềng Pắc	Huyện Thuận Châu	Sơn La	Điều dưỡng	20.25
628	15004446	HOÀNG THỊ TÌNH	18/05/2000	Xã Tùng Khê	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.25
629	15008342	TRẦN PHƯƠNG HUYỀN	16/10/2000	Thị trấn Phong Châu	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.25
630	06000925	HOÀNG THỊ TRANG	20/02/2000	Xã Thắng Lợi	Huyện Hạ Lang	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.2
631	12001005	MA KHẮC CANH	02/09/2000	Xã Bình Yên	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.2
632	15008269	ĐỖ THU HÀ	16/01/2000	Xã Phú Lộc	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.2
633	15008738	LÊ THANH PHƯƠNG	05/09/2000		Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	20.2
634	18007501	NGUYỄN THỊ THẢO	19/11/2000	Xã Dương Đức	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.2
635	23003663	BUI THỊ NGỌC MỸ	22/12/2000	Xã Vũ Lâm	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Điều dưỡng	20.2
636	62001097	LÒ THỊ CHIÊN	20/10/2000	Xã Mường Lói	Huyện Điện Biên	Điện Biên	Điều dưỡng	20.2
637	06000745	NÔNG NHƯ MAI	25/07/2000	Thị trấn Nước Hai	Huyện Hòa An	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.15
638	06000845	HOÀNG THU HỒNG	06/11/2000	Thị trấn Hùng Quốc	Huyện Trà Lĩnh	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.15
639	12012793	PHẠM THU TRANG	03/08/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.15
640	14005492	ĐINH THỊ OANH	05/07/2000	Xã Tường Thượng (từ 28/4/2017)	Huyện Phù Yên	Sơn La	Điều dưỡng	20.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
641	18004019	NGUYỄN THỊ THANH	05/05/2000	Xã Khám Lang	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.15
642	18007403	NGUYỄN THỊ THU MINH	26/06/2000	Xã Mỹ Hà	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.15
643	18007855	LÊ THỊ LINH CHI	15/08/1999	Xã Tam Hiệp	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.1
644	01061281	NGUYỄN THỊ THUY LINH	26/03/2000		Huyện Thanh Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	20.05
645	12006302	HÀ THANH LAM	25/01/2000	Xã Kim Sơn	Huyện Định Hóa	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20.05
646	12014288	ĐẶNG THAO VY	05/02/1999	Xã Trọng Con	Huyện Thạch An	Cao Bằng	Điều dưỡng	20.05
647	15004568	NGUYỄN NGỌC HAI	15/01/2000		Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Điều dưỡng	20.05
648	18004589	PHẠM VĂN THUẬN	13/07/2000	Xã Vũ Xá	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.05
649	18014047	PHẠM THỊ YẾN NHI	24/04/2000	Xã Nghĩa Trung	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	20.05
650	22012610	DƯƠNG THỊ HẰNG	08/02/1999		Huyện Kim Động	Hưng Yên	Điều dưỡng	20.05
651	01042939	HOÀNG THỊ DIỆU YẾN	20/02/2000	Xã Lũng Nặm	Huyện Hà Quảng	Cao Bằng	Điều dưỡng	20
652	12003269	HOÀNG THỊ HỒNG HANH	01/08/2000	Xã Đồng Bầm	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	20
653	13003543	LÊ THỊ NGỌC	12/01/2000	Xã Y Can	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Điều dưỡng	20
654	15004370	NGUYỄN THỊ HỒNG NHUNG	23/08/2000	Xã Ngò Xá	Huyện Cẩm Khê	Phủ Thọ	Điều dưỡng	20
655	15012649	NGUYỄN THỊ HỒNG VÂN	17/05/2000	Xã Thạch Khóan (Từ 28/4/2017)	Huyện Thanh Sơn	Phủ Thọ	Điều dưỡng	20
656	18014251	CHU VĂN TRONG	04/03/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	20
657	27006689	VŨ THỊ KIỀU CHÂM	12/12/2000		Huyện Kim Sơn	Ninh Bình	Điều dưỡng	20
658	12008881	TRINH HỒNG NGỌC	16/12/2000		Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.95
659	12012069	NGUYỄN THỊ THU	16/11/2000	Xã Trảng Xá	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.95
660	19001615	TỔNG THỊ HAI	03/02/2000		Thành phố Bắc Ninh	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.95
661	01026951	NGUYỄN HOÀI THU	05/08/2000		Huyện Thanh Trì	Hà Nội	Điều dưỡng	19.9
662	01061523	TRINH THỊ THÂM	16/09/2000		Huyện Thanh Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	19.9
663	12002759	ĐOÀN THU GIANG	17/12/2000	Xã Sơn Cẩm	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.9
664	15005772	NGUYỄN THANH THUY	23/11/2000	Xã Quế Lâm	Huyện Đoan Hùng	Phủ Thọ	Điều dưỡng	19.9
665	16009074	NGUYỄN THỊ THU HIỀN	28/12/2000	Xã Hợp Lý	Huyện Lập Thạch	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19.9
666	17011317	NGUYỄN ĐỨC ANH	10/11/2000		Thành phố Uông Bí	Quảng Ninh	Điều dưỡng	19.9
667	12011046	HÀ PHƯƠNG THẢO	08/09/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.85
668	16008902	DƯ THỊ PHƯƠNG THẢO	20/07/2000	Xã Đại Đình	Huyện Tam Đảo	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19.85
669	18014233	PHẠM THU TRANG	03/10/2000		Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.85
670	28007535	CAO THỊ HÒA	03/08/2000	Xã Xuân Hòa	Huyện Như Xuân	Thanh Hoá	Điều dưỡng	19.85
671	01051502	VŨ THỊ PHƯƠNG ANH	19/12/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	19.8
672	09000731	PHẠM THỊ NGÂN GIANG	09/11/2000	Phường Tân Hà	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.8
673	11000856	VŨ THỊ THUY QUYNH	16/05/2000	Phường Huyền Tung	Thành phố Bắc Kạn	Bắc Kạn	Điều dưỡng	19.8
674	01054559	NGUYỄN KHÁNH LY	01/12/2000		Huyện Chương Mỹ	Hà Nội	Điều dưỡng	19.75
675	09007169	NGUYỄN THỊ MAI HIỀN	17/11/2000	Xã Phú Lương	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.75
676	15007722	NGUYỄN THỊ BÍCH NGUYỆT	16/04/2000		Huyện Lâm Thao	Phủ Thọ	Điều dưỡng	19.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
677	15008656	NGUYỄN THỊ HOA	26/10/2000		Huyện Phú Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.75
678	15009282	PHẠM THỊ THU THẢO	15/06/2000	Xã Thanh Uyên (Trước 28/4/2017)	Huyện Tam Nông	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.75
679	15012393	NGUYỄN NGỌC LAN	15/11/2000		Huyện Thanh Thủy	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.75
680	16011970	LÊ THỊ HỒNG ANH	16/11/2000	Xã Yên Thạch	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19.75
681	22002264	ĐỖ ĐỨC LONG	10/10/2000		Huyện Tiên Lữ	Hưng Yên	Điều dưỡng	19.75
682	24000408	TRẦN THỊ THUY DƯƠNG	01/03/2000		Thành phố Phú Lý	Hà Nam	Điều dưỡng	19.75
683	26004050	NGUYỄN THỊ THUY LINH	07/07/2000		Huyện Quỳnh Phụ	Thái Bình	Điều dưỡng	19.75
684	01030241	NGUYỄN ĐÌNH TỰ	20/04/2000		Huyện Gia Lâm	Hà Nội	Điều dưỡng	19.7
685	01051700	NGUYỄN THỊ THU HUYỀN	29/08/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	19.7
686	09000089	TẠ THỊ KIỀU	23/02/2000	Xã Minh Hương	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.7
687	10005056	LƯƠNG THỊ HOA	04/01/2000	Xã Văn Mộng	Huyện Văn Quan	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.7
688	18017705	NGUYỄN THỊ THU HÀ	05/12/2000		Thành phố Bắc Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.7
689	12006869	NGUYỄN HOÀI LINH	29/02/2000	Xã Tân Long	Huyện Đồng Hỷ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.65
690	15004502	PHẠM THỊ KIM ANH	16/09/2000	Xã Đông Lương	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.65
691	15004887	NGUYỄN THỊ HIỀN	20/08/2000	Xã Chí Đám	Huyện Đoan Hùng	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.65
692	62003629	TRẦN THỊ DUNG	27/10/2000	Xã Phình Sáng	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên	Điều dưỡng	19.65
693	10007111	LÀNG THỊ HUỆ	04/08/1999	Xã Bắc Thủy	Huyện Chi Lăng	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.6
694	12008958	TRINH THỊ THẢO NGUYỄN	24/11/2000	Xã Lâu Thượng	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.6
695	24004599	ĐỖ THU HOÀI	21/06/2000		Huyện Lý Nhân	Hà Nam	Điều dưỡng	19.6
696	01032842	NGÔ THU THẢO	11/02/2000		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Điều dưỡng	19.55
697	09000092	NGUYỄN THỊ LỊCH	12/03/2000	Xã Minh Hương	Huyện Hàm Yên	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.5
698	09000093	MA THỊ THUY LIÊN	13/06/2000	Xã Hùng Mỹ	Huyện Chiêm Hóa	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.5
699	10000142	PHẠM MINH HAI	11/02/2000	Xã Minh Sơn	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.5
700	10006697	ĐẶNG THỊ HIỀN	13/10/2000	Xã Chiến Thắng	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.5
701	13005190	VŨ XUÂN HOÀN	15/03/2000	Phường Pú Trạng	Thị xã Nghĩa Lộ	Yên Bái	Điều dưỡng	19.5
702	15002880	TRẦN THỊ NGHĨA	03/03/1999		Thị xã Phú Thọ	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.5
703	15011424	ĐÌNH THỊ HUYỀN TRANG	20/01/2000	Xã Yên Lãng	Huyện Thanh Sơn	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.5
704	19010172	NGÔ THỊ ANH	05/09/2000		Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.5
705	24004110	PHẠM THANH HUẤN	29/11/2000		Huyện Kim Bảng	Hà Nam	Điều dưỡng	19.5
706	01062682	ĐẶNG THỊ HUYỀN	03/03/2000		Huyện Ứng Hòa	Hà Nội	Điều dưỡng	19.45
707	12009759	TÔNG THỊ THU PHƯƠNG	29/03/2000	Xã Quy Kỳ	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.45
708	15004392	NGUYỄN HỮU QUÂN	16/08/2000	Xã Tuy Lộc (Trước 28/4/2017)	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.45
709	19003490	NGUYỄN THỊ NGỌC	11/01/2000		Thị xã Từ Sơn	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.45
710	10005101	VI THỊ HUỆ	04/01/2000	Thị trấn Văn Quan	Huyện Văn Quan	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.4
711	12000960	NGUYỄN THỊ BÌNH	10/10/2000	Xã Sơn Cẩm	Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.4
712	15012119	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG THAO	18/06/2000	Xã Thạch Kiệt	Huyện Tân Sơn	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.4

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
713	09007180	ĐẶNG VĂN HIỆP	30/08/2000	Xã Tuấn Lộ	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.35
714	09007477	NGUYỄN ĐỨC TUẤN	22/01/2000	Xã Sơn Nam	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Điều dưỡng	19.35
715	10001877	CHU THỊ BÀNH	20/03/2000	Xã Hợp Thành	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.35
716	12012460	PHẠM THỊ TRÀ	07/04/2000	Xã Yên Trạch	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.35
717	18006185	NGUYỄN THỊ LỊCH	24/08/2000	Xã Thái Đào	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.35
718	26006194	TRẦN TRỌNG MỪNG	24/07/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Điều dưỡng	19.35
719	14008887	LÔ NGỌC THIÊN	25/01/2000	Xã Tân Lập	Huyện Mộc Châu	Sơn La	Điều dưỡng	19.3
720	22012407	BÙI THỊ THAO	06/07/2000		Huyện Khoái Châu	Hưng Yên	Điều dưỡng	19.3
721	01037254	NGUYỄN THỊ THUY	03/02/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Điều dưỡng	19.25
722	07000122	MÙA THỊ DUA	06/07/2000	Xã Xả Dề Phìn	Huyện Sin Hồ	Lai Châu	Điều dưỡng	19.25
723	18016438	PHAN THỊ MINH THU	13/11/2000	Xã Quỳnh Sơn	Huyện Yên Dũng	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.25
724	19007313	NGUYỄN THỊ NGÂN	27/11/2000		Huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.25
725	19009027	HOÀNG THỊ THU HÀ	19/10/2000		Huyện Quế Võ	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.25
726	21003919	TẶNG THỊ NHIÊN	30/10/2000		Huyện Gia Lộc	Hải Dương	Điều dưỡng	19.25
727	28027580	HOÀNG HÀ ANH	20/10/2000		Huyện Hoảng Hóa	Thanh Hoá	Điều dưỡng	19.25
728	05002091	NGUYỄN THUY LINH	20/07/2000	Xã Việt Lâm	Huyện Vị Xuyên	Hà Giang	Điều dưỡng	19.2
729	06001378	HOÀNG THUY DƯƠNG	18/11/2000	Thị trấn Nước Hai	Huyện Hòa An	Cao Bằng	Điều dưỡng	19.2
730	11002655	TÔ THỊ KIỀU DIỄM	24/03/2000	Xã Bằng Phúc	Huyện Chợ Đồn	Bắc Kạn	Điều dưỡng	19.2
731	15000981	QUÁCH THỊ HỒNG VÂN	16/04/1999		Huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.2
732	19008445	NGUYỄN THỊ THU HUỆ	01/09/2000		Huyện Quế Võ	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.2
733	24004908	NGUYỄN THỊ THANH THU	29/05/2000		Huyện Lý Nhân	Hà Nam	Điều dưỡng	19.2
734	12003665	HOÀNG THỊ THANH HIỀN	16/12/2000	Xã Minh Phát	Huyện Lộc Bình	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.15
735	12009342	NGÔ NGỌC NINH	23/04/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.15
736	14000460	LÔ THỊ DIỆU LAN	21/03/2000	Phường Chiềng Sinh	Thành phố Sơn La	Sơn La	Điều dưỡng	19.15
737	16003883	NGUYỄN THỊ PHƯỢNG	15/08/2000		Huyện Yên Lạc	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19.15
738	18016555	HỒ THỊ CHINH	23/01/2000	Xã Đức Giang	Huyện Yên Dũng	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.15
739	28016930	NGUYỄN THỊ HOÀI THU	24/10/2000		Huyện Thiệu Hóa	Thanh Hoá	Điều dưỡng	19.15
740	62003695	QUẢNG THỊ THANH HIỀN	18/10/2000	Xã Thanh Minh (từ 28/4/2017)	Thành phố Điện Biên Phủ	Điện Biên	Điều dưỡng	19.15
741	01064769	NGHIÊM THU HƯƠNG	08/08/2000		Huyện Ứng Hòa	Hà Nội	Điều dưỡng	19.1
742	10002751	VY THỊ VÂN ANH	13/08/2000	Xã Hiệp Ha (trước 28/4/2017)	Huyện Lộc Bình	Lạng Sơn	Điều dưỡng	19.1
743	13005839	TRẦN PHƯƠNG THẢO	03/03/2000	Xã Suối Bu	Huyện Văn Chấn	Yên Bái	Điều dưỡng	19.1
744	15000488	PHẠM THỊ KIM CHI	03/08/2000		Thành phố Việt Trì	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.1
745	18008522	THÂN THỊ KIM CÚC	28/01/2000	Thị trấn Bồ Hạ	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.1
746	18012091	DƯƠNG THỊ CÁN	11/10/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.1
747	12002833	NGUYỄN TRÀ GIANG	09/08/2000	Xã Tiên Hội	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.05
748	12012201	LÊ THUY TIỀN	17/06/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	19.05

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
749	14001395	LÒ THỊ THU HẰNG	08/09/2000	Phường Quyết Thắng	Thành phố Sơn La	Sơn La	Điều dưỡng	19.05
750	15004188	CHU NGUYỄN THUY HA	20/10/2000	Xã Tuy Lộc (Trước 28/4/2017)	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Điều dưỡng	19.05
751	16003300	NGUYỄN THỊ HUỆ	12/10/2000		Huyện Bình Xuyên	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19.05
752	18003937	TRẦN THỊ KIM OANH	31/07/2000	Xã Bắc Lũng	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Điều dưỡng	19.05
753	19003643	NGUYỄN THỊ THUY	05/12/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Điều dưỡng	19.05
754	26000031	TRẦN THỊ VĂN ANH	09/11/1999		Huyện Vũ Thư	Thái Bình	Điều dưỡng	19.05
755	01078767	NGUYỄN THUY LINH	30/01/1998		Huyện Đông Anh	Hà Nội	Điều dưỡng	19
756	16006860	ĐÀO THỊ HUỆ	17/08/2000	Xã Hải Lựu	Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Điều dưỡng	19
757	18010500	NGÔ THUY LINH	24/11/2000		Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	19
758	23002895	HOÀNG HỒNG HẠNH	07/11/2000	Xã Xuất Hóa	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Điều dưỡng	19
759	28015654	HOÀNG THỊ HƯƠNG	01/07/2000		Huyện Thiệu Hóa	Thanh Hoá	Điều dưỡng	19
760	29013339	CAO THỊ KHÁNH	29/01/2000	Xã Nghĩa Khánh	Huyện Nghĩa Đàn	Ngệ An	Điều dưỡng	19
761	01041834	TÊNH THỊ LIÊN	24/11/2000	Xã Lóng Luông	Huyện Văn Hồ	Sơn La	Điều dưỡng	18.95
762	15000936	MAI THU TRANG	26/04/1999		Thành phố Việt Trì	Phú Thọ	Điều dưỡng	18.95
763	15007628	TẠ THU HƯƠNG	11/03/2000		Huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Điều dưỡng	18.95
764	12003306	NGUYỄN THỊ HẠNH	15/01/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Điều dưỡng	18.9
765	23001169	BUI NGOC THUY	15/03/2000	Xã Ngõ Luông	Huyện Tân Lạc	Hoà Bình	Điều dưỡng	18.9
766	25001702	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	27/04/2000		Thành phố Nam Định	Nam Định	Điều dưỡng	18.9
767	28012228	LUÔNG THỊ HẰNG	02/08/2000	Xã Cẩm Tân	Huyện Cẩm Thủy	Thanh Hoá	Điều dưỡng	18.9
768	62003094	GIANG THỊ NGÀ	11/08/1999	Xã Ta Ma	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên	Điều dưỡng	18.9
769	01037234	LÊ THỊ THOM	05/10/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Điều dưỡng	18.85
770	01040617	NGUYỄN THAO NGUYỄN	29/02/2000		Huyện Thường Tín	Hà Nội	Điều dưỡng	18.85
771	06004473	LÝ THỊ THANH HUỆ	29/02/2000	Xã Ngọc Khê	Huyện Trùng Khánh	Cao Bằng	Điều dưỡng	18.85
772	18006642	TRẦN THỊ KIM ANH	02/01/2000	Xã Hương Sơn	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Điều dưỡng	18.85
773	18009464	VŨ THỊ MỸ LINH	06/01/2000	Xã Ngọc Châu	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Điều dưỡng	18.85
774	18012221	ĐÀO THỊ SANG	25/12/2000		Huyện Hiệp Hòa	Bắc Giang	Điều dưỡng	18.85
775	28012178	TRẦN MỸ DUYỀN	26/09/2000	Xã Cẩm Thành	Huyện Cẩm Thủy	Thanh Hoá	Điều dưỡng	18.85
776	10002873	LÃNG THỊ HA	12/09/2000	Xã Sần Viên	Huyện Lộc Bình	Lạng Sơn	Điều dưỡng	18.8
777	12005297	ĐỖ THU HUYỀN	20/01/2000	Xã Tức Tranh	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Điều dưỡng	18.8
778	15008612	TRƯƠNG CAO ĐÀI	04/06/2000		Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	18.8
779	18008351	TRẦN THỊ THU	28/12/2000	Xã Tân Hiệp (Từ 19/9/2013 đến trước 28/4/2017)	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Điều dưỡng	18.8
780	19005874	ĐÌNH THỊ THU TRANG	30/05/2000		Huyện Phú Xuyên	Hà Nội	Điều dưỡng	18.8
781	62003925	TÔNG THỊ THƠ	16/01/2000	Xã Thanh Luông	Huyện Điện Biên	Điện Biên	Điều dưỡng	18.8
782	01061565	PHẠM THỊ THƯƠNG	03/05/2000		Huyện Thanh Oai	Hà Nội	Điều dưỡng	18.75
783	14000866	NGUYỄN THỊ ANH	03/06/1999	Phường Chiềng Sinh	Thành phố Sơn La	Sơn La	Điều dưỡng	18.75

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
784	15009808	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	02/09/2000	Xã Phương Thịnh	Huyện Tam Nông	Phú Thọ	Điều dưỡng	18.75
785	27005202	TRƯƠNG THỊ SON	18/03/2000		Huyện Yên Khánh	Ninh Bình	Điều dưỡng	18.75
786	62005291	LÀU THỊ NHUNG	22/06/2000	Xã Pú Nhung (từ 28/4/2017)	Huyện Tuần Giáo	Điện Biên	Điều dưỡng	18.75
787	22011610	ĐÀO HỒNG THUY	07/03/2000		Huyện Khoái Châu	Hưng Yên	Điều dưỡng	18.7
788	28006645	HÀ THỊ HAI	03/02/1999	Xã Yên Nhân	Huyện Thường Xuân	Thanh Hoá	Điều dưỡng	18.7
789	01037153	HOÀNG THỊ TÂM	30/01/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Điều dưỡng	18.65
790	12009232	NGUYỄN HỒNG NHUNG	14/11/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Điều dưỡng	18.65
791	15008479	NGUYỄN THỊ QUY	15/11/2000	Xã Tiên Du (Từ 29/02/2016)	Huyện Phù Ninh	Phú Thọ	Điều dưỡng	18.65
792	17001922	PHƯƠNG ĐẠI DŨ	14/07/2000	Xã Lục Hồn	Huyện Bình Liêu	Quảng Ninh	Điều dưỡng	18.65
793	17010209	NGUYỄN THUY DƯƠNG	25/06/2000		Thị xã Quảng Yên	Quảng Ninh	Điều dưỡng	18.65
794	26006137	TRẦN THỊ LAN	20/01/2000		Huyện Hưng Hà	Thái Bình	Điều dưỡng	18.65
795	09000752	NGUYỄN MINH HẰNG	14/01/2000	Phường Tân Hà	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Điều dưỡng	18.6
796	10006787	HOÀNG THUY QUỲNH	22/11/2000	Xã Vũ Sơn	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Điều dưỡng	18.6
797	13004665	MAC HÀ VY	31/12/2000	Xã An Thịnh	Huyện Văn Yên	Yên Bái	Điều dưỡng	18.6
798	21014862	PHẠM HUY ĐỨC	16/02/2000		Thị xã Chí Linh	Hải Dương	Điều dưỡng	18.6
799	62004720	HOÀNG THU THAO	19/09/2000	Xã Nà Hỳ	Huyện Nậm Pồ	Điện Biên	Điều dưỡng	18.6
800	06002544	NGUYỄN KHÁNH CHI	21/08/2000	Xã Quốc Phong	Huyện Quảng Uyên	Cao Bằng	Điều dưỡng	18.55
801	18001180	HOÀNG THỊ MAI	14/07/1999	Xã Phong Vân	Huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	Điều dưỡng	18.55
802	19003248	CHU THỊ HIỀN	18/10/2000		Huyện Yên Phong	Bắc Ninh	Điều dưỡng	18.55
803	28006639	NGUYỄN THỊ THU HÀ	07/08/2000	Xã Ngọc Phụng	Huyện Thường Xuân	Thanh Hoá	Điều dưỡng	18.55
804	28006657	LÊ THỊ MINH HẰNG	20/02/1999	Xã Tân Thành	Huyện Thường Xuân	Thanh Hoá	Điều dưỡng	18.55
805	01074745	VŨ HỒNG NGỌC	27/10/2000	Thị trấn Mộc Châu	Huyện Mộc Châu	Sơn La	Điều dưỡng	18.5
806	07001470	LY KHỎ NƠ	13/03/1999	Xã Ma Ly Chải	Huyện Phong Thổ	Lai Châu	Điều dưỡng	18.5
807	07002697	NGUYỄN THUY TRANG	31/08/2000	Xã Mường Than	Huyện Than Uyên	Lai Châu	Điều dưỡng	18.5
808	13003676	VŨ HOÀNG AN	12/12/2000	Xã Lương Thịnh	Huyện Trấn Yên	Yên Bái	Điều dưỡng	18.5
809	14001775	ĐỖ THỊ LAN	15/01/2000	Xã Mường Thái	Huyện Phù Yên	Sơn La	Điều dưỡng	18.5
810	12011620	ĐÌNH THỊ THOA	11/10/2000	Xã Tân Hòa	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	23.7
811	01037055	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG OANH	15/06/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Răng - Hàm - Mặt	23.15
812	12005867	TÔ THUY HƯỜNG	19/04/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	23.15
813	13005597	SA THỊ LAN	06/06/1999	Xã Sơn A	Huyện Văn Chấn	Yên Bái	Răng - Hàm - Mặt	23.15
814	10004311	ĐOÀN THANH NHẢ	20/10/2000	Xã Đại Đồng	Huyện Tràng Định	Lạng Sơn	Răng - Hàm - Mặt	22.9
815	12008994	NGUYỄN ANH NGUYỆT	04/04/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.85
816	15004147	TRINH THỊ HỒNG CHÂM	09/10/2000	Xã Phụng Xá	Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	22.8
817	29000888	NGUYỄN THỊ THANH NHÀN	22/01/2000	Xã Ngọc Sơn	Huyện Đô Lương	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	22.6
818	15000510	CÙ TIỀN DŨNG	18/10/1997		Huyện Lâm Thao	Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	22.55
819	12000834	LÊ QUỐC BẢO	19/06/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.45

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
820	12003424	DUƠNG THI HẰNG	29/04/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.45
821	38000758	VŨ THI HƯƠNG	05/01/2000	Xã Ia Lang	Huyện Đức Cơ	Gia Lai	Răng - Hàm - Mặt	22.2
822	12010994	DUƠNG THI PHƯƠNG THAO	09/10/2000		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.15
823	12012743	NGUYỄN THU TRANG	04/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.15
824	12014038	LŨ THỊ VÊN	12/11/2000	Xã Púng Luông	Huyện Mù Cang Chải	Yên Bái	Răng - Hàm - Mặt	22.15
825	16001436	HOÀNG THỊ THU HUYỀN	25/06/2000		Huyện Vĩnh Tường	Vĩnh Phúc	Răng - Hàm - Mặt	22.15
826	12000812	LÊ NGỌC BẠCH	22/08/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.1
827	12012775	PHẠM HÀ TRANG	09/02/2000	Xã Phú Đình	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22.1
828	12013981	HŨA THỊ THAO VÂN	10/12/1999	Xã Kiên Thành	Huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	Răng - Hàm - Mặt	22.1
829	15003718	NGUYỄN SƠN HÀ	16/04/1997		Huyện Cẩm Khê	Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	22.1
830	19007796	NGUYỄN THỊ HIỀN	14/09/2000		Huyện Tiên Du	Bắc Ninh	Răng - Hàm - Mặt	22.1
831	29022680	NGUYỄN VIỆT HÙNG	03/03/2000	Xã Vô Liệt	Huyện Thanh Chương	Nghệ An	Răng - Hàm - Mặt	22.05
832	30016226	TRẦN THỊ LÝ	22/07/1999		Huyện Lộc Hà	Hà Tĩnh	Răng - Hàm - Mặt	22.05
833	12009451	NGUYỄN VĂN PHI	16/06/2000	Xã Trung Hội	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22
834	12012208	NGUYỄN THỊ THUY TIỀN	25/08/2000	Xã Sơn Phú	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	22
835	23001053	BUI THỊ HUYỀN	25/08/2000	Xã Quý Hòa	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Răng - Hàm - Mặt	22
836	12002073	LÊ THỊ THUY DƯƠNG	21/10/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Răng - Hàm - Mặt	21.95
837	18009124	NGUYỄN QUANG ANH	17/11/1999	Thị trấn Cao Thượng	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Răng - Hàm - Mặt	21.95
838	25007742	TỔNG THỊ KIM LIÊN	07/12/2000		Huyện Nam Trực	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	21.95
839	15000307	BUI THỊ VIỆT PHƯƠNG	22/01/2000		Thành phố Việt Trì	Phú Thọ	Răng - Hàm - Mặt	21.9
840	23003071	TRẦN PHƯƠNG NAM	25/12/2000	Xã Vũ Lâm	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Răng - Hàm - Mặt	21.9
841	25009613	ĐÌNH THỊ THU PHƯƠNG	21/06/2000		Huyện Trục Ninh	Nam Định	Răng - Hàm - Mặt	21.9
842	16011230	PHAN THỊ HAO	20/11/2000		Huyện Tam Dương	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22.15
843	18010066	NGUYỄN KHÁNH LINH	20/11/2000	Xã Phúc Sơn	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	22.15
844	10000673	HOÀNG THUY DUNG	04/09/2000	Phường Vĩnh Trại	Thành phố Lạng Sơn	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.95
845	12007024	TOÀN TIỀN LINH	21/09/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.85
846	12002021	VŨ THỊ NGỌC DUYỀN	26/08/2000		Thành phố Sông Công	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.75
847	15006441	NGUYỄN THỊ LÊ	19/09/2000	Xã Hương Xạ	Huyện Hạ Hòa	Phú Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.75
848	23003513	NGUYỄN HÀ VY	05/02/2000	Xã Nhân Nghĩa	Huyện Lạc Sơn	Hoà Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.7
849	16006464	NGUYỄN MANH CƯỜNG	29/02/2000		Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.65
850	12006062	NGUYỄN ĐỨC KHIÊM	23/05/2000	Thị trấn Chợ Chu	Huyện Đình Hòa	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.5
851	12008348	NGUYỄN PHƯƠNG NAM	27/04/1999		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.5
852	12012565	HOÀNG THỊ THU TRANG	15/08/2000	Xã Kha Sơn	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.45
853	01037306	PHẠM QUỲNH TRANG	23/11/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15
854	09000508	KIM LAN PHƯƠNG	07/06/2000	Thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15
855	10002322	LƯU THỊ THÁ	03/10/2000	Xã Lộc Yên	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
856	10005598	HOÀNG THI ĐÀO	04/01/2000	Xã Quý Hòa	Huyện Bình Gia	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15
857	12008657	TÔ VĂN NGHĨA	19/04/2000	Xã Đông Đạt	Huyện Phú Lương	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15
858	18006204	NGUYỄN THANH HOÀI LINH	15/08/1999	Xã Tân Hưng	Huyện Lạng Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.15
859	15005110	NGUYỄN THỊ MINH NGUYẾT	27/10/2000	Xã Hùng Long	Huyện Đồn Hùng	Phủ Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21.05
860	18004391	VŨ THỊ HUỆ	20/11/2000	Xã Đan Hội	Huyện Lục Nam	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	21
861	12011219	PHẠM THỊ PHƯƠNG THẢO	26/01/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.95
862	01078962	PHÙNG MẠNH QUẢN	29/07/1998		Huyện Ba Vì	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.9
863	15009495	HÀ VĂN NAM	21/10/2000	Xã Đào Xá (Trước 28/4/2017)	Huyện Thanh Thủy	Phủ Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.9
864	11002751	PHẠM HỒNG LONG	06/12/2000		Huyện Khoái Châu	Hưng Yên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.85
865	17006667	NGUYỄN THỊ MAI NHẬT	06/04/2000		Thành phố Cẩm Phả	Quảng Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.8
866	18015702	HẠP THỊ NGÀ	25/01/2000	Xã Yên Lư	Huyện Yên Dũng	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.8
867	18014246	THÂN THỊ NGỌC TRÂM	14/10/2000	Xã Minh Đức	Huyện Việt Yên	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.75
868	05003399	PHẠM THỊ THUY ĐƯƠNG	30/10/2000	Thị trấn Việt Quang	Huyện Bắc Quang	Hà Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.7
869	12000219	LÃNG THỊ VĂN ANH	27/11/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.65
870	05004094	NGUYỄN THANH CÀNH	31/10/2000	Xã Hùng An	Huyện Bắc Quang	Hà Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.6
871	19005296	NGUYỄN THẾ SƠN	22/06/2000		Thị xã Từ Sơn	Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.6
872	01056659	NGUYỄN THẠC DUNG HOA	13/05/2000		Huyện Đan Phượng	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.55
873	12013889	NGUYỄN THỊ UYÊN	12/02/1999	Xã Kha Sơn	Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.5
874	09000250	ĐẶNG TRUNG DŨNG	20/01/2000	Phường Phan Thiết	Thành phố Tuyên Quang	Tuyên Quang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.45
875	12012062	NGUYỄN MINH THƯ	26/11/1999		Huyện Phú Bình	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.45
876	10000417	TRỊNH DIỆM QUYNH	26/09/2000	Thị trấn Đồng Đăng	Huyện Cao Lộc	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.35
877	18007840	TRẦN THỊ NGỌC ANH	14/10/2000	Xã Tam Tiến	Huyện Yên Thế	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.35
878	26014123	ĐẶNG QUANG VŨ	19/06/2000		Huyện Tiên Hải	Thái Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.3
879	01052629	NGUYỄN PHƯƠNG THẢO	16/11/2000		Huyện Quốc Oai	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.2
880	15000161	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	01/06/2000		Thành phố Việt Trì	Phủ Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.2
881	18009376	NGUYỄN THỊ THANH HUYỀN	09/12/2000	Xã Nhã Nam	Huyện Tân Yên	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.2
882	29020386	VÕ THỊ HẰNG	20/01/2000	Xã Nghĩa Hành	Huyện Tân Kỳ	Nghệ An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.2
883	10008133	HÀ VĂN HÙNG	19/06/2000	Xã Đồ Lương	Huyện Hữu Lũng	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.15
884	23006089	PHẠM QUANG DUY	27/04/2000	Xã Thanh Lương	Huyện Lương Sơn	Hoà Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.15
885	12005415	NGUYỄN THU HUYỀN	25/12/2000		Thành phố Thái Nguyên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.1
886	14001461	NGUYỄN THU HUYỀN	23/02/2000	Thị trấn Bắc Yên	Huyện Bắc Yên	Sơn La	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.1
887	16006573	HOÀNG THỊ LINH	12/08/2000		Huyện Sông Lô	Vĩnh Phúc	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.1
888	05003504	HOÀNG TRUNG KIẾN	01/09/2000	Thị trấn Việt Quang	Huyện Bắc Quang	Hà Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.05
889	18017867	NGUYỄN THỊ NGỌC LINH	12/11/1999	Xã Đình Trì	Thành phố Bắc Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20.05
890	10006407	LƯƠNG VĂN NGUYỄN	18/01/2000	Xã Nhất Tiến	Huyện Bắc Sơn	Lạng Sơn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20
891	12011724	LÊ THỊ THU	22/04/2000	Xã Phú Xuyên	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20

STT	SBD	Họ Tên	Ngày sinh	Hộ khẩu thường trú			Ngành trúng tuyển	Điểm trúng tuyển
				Xã	Huyện	Tỉnh		
892	18001306	LIU TIEN TAN	09/08/2000	Xã Thanh Hải	Huyện Lục Ngạn	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20
893	27001484	VU LAN HUONG	03/10/2000	Xã Gia Vượng	Huyện Gia Viễn	Ninh Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20
894	29017085	ĐAU VAN NAM	15/12/2000	Xã Quỳnh Tân	Huyện Quỳnh Lưu	Nghe An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	20
895	01037356	NGUYEN THI HAI TUYEN	21/09/2000		Huyện Sóc Sơn	Hà Nội	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.95
896	15013170	HOANG BICH HUE	30/07/2000	Thị trấn Yên Lập (Trước 28/4/2017)	Huyện Yên Lập	Phù Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.95
897	09005809	NONG THI KIM NGAN	30/05/2000	Thị trấn Sơn Dương	Huyện Sơn Dương	Tuyên Quang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.9
898	12006303	HA THI THAO LAM	01/10/2000		Thị xã Phổ Yên	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.9
899	11000062	MA THI DUYEN	25/11/2000	Xã Thượng Giáo (trước 28/4/2017)	Huyện Ba Bể	Bắc Kạn	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.85
900	12013560	LAM VAN TUNG	20/02/2000	Xã La Hiền	Huyện Võ Nhai	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.85
901	29030143	PHAM MINH TIEN	02/06/2000		Huyện Yên Thành	Nghe An	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.85
902	24006000	LAI VAN ANH	12/04/2000		Huyện Thanh Liêm	Hà Nam	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.8
903	08003158	VU HONG DIEU	16/06/2000	Xã Thái Niên	Huyện Bảo Thắng	Lào Cai	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
904	12014078	DUONG DUC VIET	25/09/2000	Xã Vạn Thọ	Huyện Đại Từ	Thái Nguyên	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
905	15003572	ĐINH QUOC TUAN	25/09/2000	Xã Xuân Đài	Huyện Tân Sơn	Phù Thọ	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
906	18015667	NGUYEN THI LUA	24/10/1999	Xã Đồng Sơn	Thành phố Bắc Giang	Bắc Giang	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
907	21009642	DUONG VAN CHUNG	08/02/1998		Huyện Thuận Thành	Bắc Ninh	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
908	25008935	PHAM DINH HUYNH	12/05/2000		Huyện Nam Trực	Nam Định	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
909	26000276	ĐO THI HUONG	26/07/1999		Huyện Tiên Hải	Thái Bình	Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75
910	28002360	CAM THI HIEP	02/02/2000	Xã Xuân Lộc			Kỹ thuật xét nghiệm y học	19.75

Ấn định danh sách: 910 thí sinh.